

DANH SÁCH LỚP HỌC MÔN TIN HỌC
HỌC KỲ I - NĂM HỌC: 2025-2026

STT	Khoá	Ngành	Lớp	Mã môn học	Tên môn học	Mã số học sinh	Họ và	tên	Ngày sinh
1	18	DN	02DN18E1	INF5.01	Tin học	54222510061	Nguyễn Quốc	An	02/01/2004
2	18	DN	02DN18E1	INF5.01	Tin học	54232520019	Huỳnh Thị Hồng	Anh	05/01/2004
3	18	DN	02DN18E1	INF5.01	Tin học	54232520053	Nguyễn Văn	Bình	30/10/2000
4	18	DN	02DN18E1	INF5.01	Tin học	54232520050	Lê Đại	Dương	04/01/1992
5	18	DN	02DN18E1	INF5.01	Tin học	54212510016	Đặng Thanh	Duy	22/09/1998
6	18	DN	02DN18E1	INF5.01	Tin học	54232520048	Huỳnh Trúc	Giàu	16/11/1999
7	18	DN	02DN18E1	INF5.01	Tin học	54232520055	Trần Thái	Hưng	18/09/1993
8	18	DN	02DN18E1	INF5.01	Tin học	54232520016	Ngô Thị Mộng	Kha	06/04/1993
9	18	DN	02DN18E1	INF5.01	Tin học	54232520028	Hồ Hoàng	Khởi	25/06/2004
10	18	DN	02DN18E1	INF5.01	Tin học	54232520033	Nguyễn Thị Kim	Lan	03/03/2005
11	18	DN	02DN18E1	INF5.01	Tin học	54232520024	Huỳnh Minh	Luận	06/03/2004
12	18	DN	02DN18E1	INF5.01	Tin học	54232520042	Nguyễn Thị Ngọc	Mai	25/12/2005
13	18	DN	02DN18E1	INF5.01	Tin học	54232520025	Nguyễn Thế	Nhân	06/08/1998
14	18	DN	02DN18E1	INF5.01	Tin học	54232520031	Ngô Thị Yên	Nhi	16/01/2007
15	18	DN	02DN18E1	INF5.01	Tin học	54232520037	Trương Phương	Nhật	11/04/2003
16	18	DN	02DN18E1	INF5.01	Tin học	54232520018	Bùi Nguyễn Ngọc	Phúc	06/10/2009
17	18	DN	02DN18E1	INF5.01	Tin học	54232520022	Lê Thảo Mai	Quyên	17/04/1990
18	18	DN	02DN18E1	INF5.01	Tin học	54232520023	Lê Nam	Thái	01/01/1993
19	18	DN	02DN18E1	INF5.01	Tin học	54232520054	Phan Lý Bảo	Trân	23/07/1998
20	18	DN	02DN18E1	INF5.01	Tin học	54232520051	Nguyễn Thanh	Trúc	17/08/2001
21	18	DN	02DN18E1	INF5.01	Tin học	54232520039	Phạm Thanh	Tuấn	11/04/2003
22	18	DN	02DN18E1	INF5.01	Tin học	54232520026	Nông Thị Ánh	Tuyết	10/10/2003
23	17	YS	02YS17C1	INF5.01	Tin học	54222410248	Nguyễn Văn	Đại	05/08/2008
24	17	KT	02KT17E1	INF5.01	Tin học	54232420037	Nguyễn Thị Khánh	Đoan	13/10/2002
25	17	KT	02KT17E1	INF5.01	Tin học	54222410048	Lê Thị Khánh	Hòa	14/06/1994
26	17	DN	02DN17E1	INF5.01	Tin học	54222410209	Nguyễn Huy	Hoàng	08/12/1995
27	17	YS	02YS17C1	INF5.01	Tin học	54222410177	Phạm Kim	Ngân	10/08/2007
28	17	YS	02YS17D1	INF5.01	Tin học	54222410191	Hồ Đặng Phương	Như	06/09/2006
29	17	DD	01DD17C1	INF5.01	Tin học	54222410112	Huỳnh Tấn	Tài	24/10/2004
30	17	KT	02KT17E1	INF5.01	Tin học	54222420098	Nguyễn Thị Thùy	Tiên	30/05/2005
31	17	YS	02YS17D1	INF5.01	Tin học	54222410239	Nguyễn Thị Lệ	Trình	28/10/1991

STT	Khoá	Ngành	Lớp	Mã môn học	Tên môn học	Mã số học sinh	Họ và	tên	Ngày sinh
32	17	DN	02DN17E1	INF5.01	Tin học	54232420038	Đinh Thanh	Tùng	25/08/1998
33	17	DS	01DS17B1	INF5.01	Tin học	54212420027	Huỳnh Nhật	Vy	20/08/2001
34	17	DD	02DD17B1	INF5.01	Tin học	54222420099	Phùng Trúc	Vy	09/08/1994
STT	Khoá	Ngành	Lớp	Mã môn học	Tên môn học	Mã số học sinh	Họ và	tên	Ngày sinh
1	18	KT	02KT18E1	INF5.02	Tin học	54232520030	Phan Đăng Minh	Anh	30/07/2007
2	18	KT	02KT18E1	INF5.02	Tin học	54232520038	Trần Thị Ngọc	Diệu	14/02/1996
3	18	KT	02KT18E1	INF5.02	Tin học	54232520015	Nguyễn Hoàng	Dương	10/03/1996
4	18	KT	02KT18E1	INF5.02	Tin học	54232520040	Đỗ Lê Ánh	Dương	24/11/2007
5	18	KT	02KT18E1	INF5.02	Tin học	54222520040	Nguyễn Thị	Hà	15/12/2007
6	18	KT	02KT18E1	INF5.02	Tin học	54212510015	Phạm Ngọc Gia	Hân	18/06/2010
7	18	KT	02KT18E1	INF5.02	Tin học	54232520027	Nguyễn Tấn	Khang	06/06/2006
8	18	KT	02KT18E1	INF5.02	Tin học	54232520013	Ngô Thụy Thuý	Ngân	15/01/2005
9	18	KT	02KT18E1	INF5.02	Tin học	54232520020	Đinh Huỳnh Mỹ	Ngọc	17/07/1998
10	18	KT	02KT18E1	INF5.02	Tin học	54232520032	Trần Nguyễn Hồng	Ngọc	10/11/1974
11	18	KT	02KT18E1	INF5.02	Tin học	54232520014	Lâm Thị Thảo	Nguyễn	11/05/2002
12	18	KT	02KT18E1	INF5.02	Tin học	54232520029	Trần Vũ Công	Nguyễn	14/10/2003
13	18	KT	02KT18E1	INF5.02	Tin học	54232520035	Phan Lâm Hùng	Phụng	26/04/2005
14	18	KT	02KT18E1	INF5.02	Tin học	54232520036	Đặng Thị Phương	Thanh	02/07/2006
15	18	KT	02KT18E1	INF5.02	Tin học	54232520046	Võ Thị Hương	Thảo	20/07/1991
16	18	KT	02KT18E1	INF5.02	Tin học	54232520034	Lê Võ Anh	Thư	05/03/2003
17	18	KT	02KT18E1	INF5.02	Tin học	54232520044	Nguyễn Thị Hồng	Thủy	25/06/1998
18	18	KT	02KT18E1	INF5.02	Tin học	54232520043	Đào Thủy	Tiên	27/02/2001
19	18	KT	02KT18E1	INF5.02	Tin học	54232520052	Lê Văn	Tiến	10/10/2004
20	18	KT	02KT18E1	INF5.02	Tin học	54232520017	Lê Thị Kiêm	Tiền	15/09/2001
21	18	KT	02KT18E1	INF5.02	Tin học	54212510041	Nguyễn Thị Thảo	Trâm	05/10/2010
22	18	KT	02KT18E1	INF5.02	Tin học	54232520049	Kiều Thị Yến	Trang	04/03/1992
23	18	KT	02KT18E1	INF5.02	Tin học	54232520021	Lê Đình Khánh	Uyên	03/09/1994
24	18	KT	02KT18E1	INF5.02	Tin học	54232520045	Võ Thanh Trà	Vy	28/02/2007
25	18	KT	02KT18E1	INF5.02	Tin học	54232520056	Trần	Tuyển	20/05/1988
26	18	DD	02DD18B1,D1	INF5.02	Tin học	54222520036	Huỳnh Hữu	Nhân	02/12/2006
27	18	DD	02DD18B1,D1	INF5.02	Tin học	54222510121	Hồ Ngọc Bảo	Nhi	17/10/2004
28	18	DD	02DD18B1,D1	INF5.02	Tin học	54222510077	Ngô Ngọc	Tân	25/01/1999
29	18	DD	02DD18B1,D1	INF5.02	Tin học	54222530007	Nguyễn Thị Hà	Thu	26/10/1994
30	18	DD	02DD18B1,D1	INF5.02	Tin học	54222530008	Phan Thị Cẩm	Tiên	09/05/1994

STT	Khoá	Ngành	Lớp	Mã môn học	Tên môn học	Mã số học sinh	Họ và	tên	Ngày sinh
31	18	DD	02DD18B1,D1	INF5.02	Tin học	54222520038	Hà Phi	Yến	25/12/2007
32	18	YS	02YS18B1,D1	INF5.02	Tin học	54222510111	Nguyễn Hùng	Anh	24/07/2003
33	18	YS	02YS18B1,D1	INF5.02	Tin học	54222520033	Phạm Đình	Hải	01/08/1999
34	18	YS	02YS18B1,D1	INF5.02	Tin học	54222520043	Cao Thị Như	Hằng	15/06/2000
36	18	YS	02YS18B1,D1	INF5.02	Tin học	54222530009	Nguyễn Thị Ngọc	Khánh	03/10/2000
37	18	YS	02YS18B1,D1	INF5.02	Tin học	54222510115	Trần Gia	Kiệt	01/04/2006
38	18	YS	02YS18B1,D1	INF5.02	Tin học	54222520035	Trần Yến	Linh	20/02/2004
39	18	YS	02YS18B1,D1	INF5.02	Tin học	54222520037	Trần Mẫn	Nghi	05/08/2004
40	18	YS	02YS18B1,D1	INF5.02	Tin học	54222530013	Đỗ Thị Kim	Thoa	01/01/1987
41	17	KT	02KT17E1	INF5.02	Tin học	54232420039	Phan Thị	Lộc	16/07/1994
STT	Khoá	Ngành	Lớp	Mã môn học	Tên môn học	Mã số học sinh	Họ và	tên	Ngày sinh
1	18	DD	01DD18A1,C1	INF5.03	Tin học	54212510062	Cao Lê Thảo	An	03/05/2010
2	18	DD	01DD18A1,C1	INF5.03	Tin học	54212510007	Nguyễn Thị Ngọc	Châu	10/02/2010
3	18	DD	01DD18A1,C1	INF5.03	Tin học	54212510045	Nguyễn Ngọc Bảo	Châu	12/10/2010
4	18	DD	01DD18A1,C1	INF5.03	Tin học	54212510061	Đỗ Đình	Huy	14/06/2010
5	18	DD	01DD18A1,C1	INF5.03	Tin học	54212510011	Ngô Thị Thanh	Huyền	29/03/2010
6	18	DD	01DD18A1,C1	INF5.03	Tin học	54212510029	Nguyễn Võ Thư	Kỳ	29/06/2010
7	18	DD	01DD18A1,C1	INF5.03	Tin học	54212510069	Nguyễn Lâm Gia	Mỹ	29/07/2010
8	18	DD	01DD18A1,C1	INF5.03	Tin học	54212510054	Nguyễn Khánh	Ngân	10/03/2010
9	18	DD	01DD18A1,C1	INF5.03	Tin học	54212510066	Nguyễn Thành	Nghĩa	20/02/2010
10	18	DD	01DD18A1,C1	INF5.03	Tin học	54212510025	Phan Hoàng Khánh	Ngọc	11/12/2010
11	18	DD	01DD18A1,C1	INF5.03	Tin học	54212510027	Lê Trần Phạm	Nguyễn	13/06/2010
12	18	DD	01DD18A1,C1	INF5.03	Tin học	54212510033	Nguyễn Ngọc Ánh	Nguyệt	28/01/2010
13	18	DD	01DD18A1,C1	INF5.03	Tin học	54212510022	Võ Kiều	Oanh	24/11/2010
14	18	DD	01DD18A1,C1	INF5.03	Tin học	54212510047	Huỳnh Duy	Phú	19/11/2010
15	18	DD	01DD18A1,C1	INF5.03	Tin học	54212510024	Nguyễn Minh	Phương	02/09/2010
16	18	DD	01DD18A1,C1	INF5.03	Tin học	54212520019	Lê Thị Thu	Sương	29/07/1997
17	18	DD	01DD18A1,C1	INF5.03	Tin học	54212520015	Trần Thị Thanh	Thảo	04/08/2007
18	18	DD	01DD18A1,C1	INF5.03	Tin học	54212510028	Huỳnh Quốc	Thịnh	26/06/2010
19	18	DD	01DD18A1,C1	INF5.03	Tin học	54212510070	Cao Hoàng Minh	Thơ	03/12/2010
20	18	DD	01DD18A1,C1	INF5.03	Tin học	54212510026	Luân Nhã	Thư	04/12/2010
21	18	DD	01DD18A1,C1	INF5.03	Tin học	54212510057	Nguyễn Đặng Thủy	Tiên	03/10/2010
22	18	DD	01DD18A1,C1	INF5.03	Tin học	54212510019	Trịnh Ngọc	Trâm	08/03/2010
23	18	DD	01DD18A1,C1	INF5.03	Tin học	54212510048	Nguyễn Thùy	Trang	11/11/2008

STT	Khoá	Ngành	Lớp	Mã môn học	Tên môn học	Mã số học sinh	Họ và	tên	Ngày sinh
24	18	DD	01DD18A1,C1	INF5.03	Tin học	54212510051	Lê Thị Huyền	Trang	09/09/2010
25	18	DD	01DD18A1,C1	INF5.03	Tin học	54212510067	Lê Minh	Trí	30/10/2009
26	18	DD	01DD18A1,C1	INF5.03	Tin học	54212510017	Trần Nguyễn Duy	Uyên	31/10/2010
27	18	DD	01DD18A1,C1	INF5.03	Tin học	54212510018	Trần Nguyễn Phương	Uyên	31/10/2010
28	18	DD	01DD18A1,C1	INF5.03	Tin học	54212510068	Lâm Trí	Vinh	17/02/2010
29	18	DD	01DD18A1,C1	INF5.03	Tin học	54212510039	Nguyễn Võ Nhật	Vy	08/08/2010
30	18	DD	01DD18A1,C1	INF5.03	Tin học	54212510042	Lê Thị Tường	Vy	14/01/2010
31	18	DD	01DD18A1,C1	INF5.03	Tin học	54212530005	Lê	Vy	03/06/2000
32	18	DD	01DD18A1,C1	INF5.03	Tin học	54212510020	Đồng Thị Như	Ý	09/07/2000
33	18	YS	01YS18A1,C1	INF5.03	Tin học	54212520014	Trần Quỳnh	Như	23/09/2007
34	18	YS	01YS18A1,C1	INF5.03	Tin học	54212510030	Phan Ngọc Nhã	Quỳnh	10/09/2010
35	18	YS	01YS18A1,C1	INF5.03	Tin học	54212510063	Võ Quang	Thạch	28/06/2010
36	18	YS	01YS18A1,C1	INF5.03	Tin học	54212520010	Đoàn Minh	Trọng	04/02/2005
37	18	YS	01YS18A1,C1	INF5.03	Tin học	54212510008	Nguyễn Như	Ý	11/12/2010
STT	Khoá	Ngành	Lớp	Mã môn học	Tên môn học	Mã số học sinh	Họ và	tên	Ngày sinh
1	18	PM	01PM18A1,C1	INF5.04	Tin học	54212510071	Nguyễn Thị Loan	Anh	02/04/2010
2	18	PM	01PM18A1,C1	INF5.04	Tin học	54212520016	Trần Duy	Anh	11/03/2005
3	18	PM	01PM18A1,C1	INF5.04	Tin học	54212510064	Hoàng Quốc	Đại	16/09/2010
4	18	PM	01PM18A1,C1	INF5.04	Tin học	54212510031	Nguyễn Huỳnh	Kaka	28/03/2010
5	18	PM	01PM18A1,C1	INF5.04	Tin học	54212510040	Trần Phúc	Khang	09/11/2010
6	18	PM	01PM18A1,C1	INF5.04	Tin học	54212520012	Nguyễn Đăng	Khoa	22/07/2006
7	18	PM	01PM18A1,C1	INF5.04	Tin học	54212510053	Phạm Tấn	Lộc	10/10/2010
8	18	PM	01PM18A1,C1	INF5.04	Tin học	54212510052	Phạm Nhật	Minh	04/07/2010
9	18	PM	01PM18A1,C1	INF5.04	Tin học	54212510023	Nguyễn Ngọc Trà	My	15/08/2010
10	18	PM	01PM18A1,C1	INF5.04	Tin học	54212510021	Lê Trọng	Nghĩa	15/06/2010
11	18	PM	01PM18A1,C1	INF5.04	Tin học	54212510065	Nguyễn	Phi	09/11/2009
12	18	PM	01PM18A1,C1	INF5.04	Tin học	54212510058	Thạch Hoàng	Phong	18/09/2010
13	18	PM	01PM18A1,C1	INF5.04	Tin học	54212510049	Đặng Hoàng	Phúc	27/02/2010
14	18	PM	01PM18A1,C1	INF5.04	Tin học	54212510012	Thân Văn	Quang	27/10/2010
15	18	PM	01PM18A1,C1	INF5.04	Tin học	54212510073	Bùi Nguyễn Minh	Quang	07/07/2010
16	18	PM	01PM18A1,C1	INF5.04	Tin học	54212510014	Nguyễn Thái	Sang	10/07/2010
17	18	PM	01PM18A1,C1	INF5.04	Tin học	54212510059	Phạm Nguyễn Khai	Tâm	14/01/2010
18	18	PM	01PM18A1,C1	INF5.04	Tin học	54212510038	Nguyễn Tấn	Thuận	08/12/2009
19	18	PM	01PM18A1,C1	INF5.04	Tin học	54212510050	Nguyễn Thái Hồng	Vân	30/01/2010

STT	Khoá	Ngành	Lớp	Mã môn học	Tên môn học	Mã số học sinh	Họ và	tên	Ngày sinh
20	18	DS	01DS18A1,C1	INF5.04	Tin học	54212520011	Đỗ Ngọc	Duyên	17/12/2007
21	18	DS	01DS18A1,C1	INF5.04	Tin học	54212510060	Phạm Lê Khánh	Hân	21/02/2007
22	18	DS	01DS18A1,C1	INF5.04	Tin học	54212510036	Nguyễn Bảo	Khang	21/03/2010
23	18	DS	01DS18A1,C1	INF5.04	Tin học	54212520018	Trần Hoàng Trúc	My	18/07/2003
24	18	DS	01DS18A1,C1	INF5.04	Tin học	54212520017	Huỳnh Lê Mỹ	Nguyên	15/10/2007
25	18	DS	01DS18A1,C1	INF5.04	Tin học	54212510037	Phạm Gia	Phú	26/02/2010
26	18	DS	01DS18A1,C1	INF5.04	Tin học	54212510043	Bùi Huỳnh Tú	Quyên	27/09/2010
27	18	DS	01DS18A1,C1	INF5.04	Tin học	54212510046	Hồ Chí	Thanh	11/08/2009
28	18	DS	01DS18A1,C1	INF5.04	Tin học	54212510034	Lê Quốc	Thịnh	10/05/2010
29	18	DS	01DS18A1,C1	INF5.04	Tin học	54212520013	Trương Ngọc Thảo	Vy	11/10/2003
30	18	DS	01DS18A1,C1	INF5.04	Tin học	54212510013	Lưu Hoàng	Yến	09/12/2010

Lưu ý:

- *Học sinh xem mã Lớp, mã môn học trên Thời khóa biểu để tham gia học đúng ngày, giờ*
- *Học sinh đã được tổ chức học nhưng không tham gia học/ có tham gia học nhưng không đủ điều kiện dự thi kết thúc môn/ đủ điều kiện dự thi kết thúc môn 2 lần nhưng "không đạt" - Liên hệ trực tiếp Phòng Đào tạo đăng ký và đóng phí học trả nợ môn.*

DANH SÁCH LỚP HỌC MÔN TIẾNG ANH
HỌC KỲ I - NĂM HỌC: 2025-2026

STT	Khoá	Ngành	Lớp	Mã môn học	Tên môn học	Mã số học sinh	Họ và	tên	Ngày sinh
1	18	YS	01YS18A1,C1	ENG5.01	Tiếng Anh	54212520014	Trần Quỳnh	Như	23/09/2007
2	18	YS	01YS18A1,C1	ENG5.01	Tiếng Anh	54212510008	Nguyễn Như	Ý	11/12/2010
3	18	DD	01DD18A1,C1	ENG5.01	Tiếng Anh	54212510069	Nguyễn Lâm Gia	Mỹ	29/07/2010
4	18	DD	01DD18A1,C1	ENG5.01	Tiếng Anh	54212520019	Lê Thị Thu	Sương	29/07/1997
5	18	DD	01DD18A1,C1	ENG5.01	Tiếng Anh	54212520015	Trần Thị Thanh	Thảo	04/08/2007
6	18	DD	01DD18A1,C1	ENG5.01	Tiếng Anh	54212510070	Cao Hoàng Minh	Thơ	03/12/2010
7	18	PM	01PM18A1,C1	ENG5.01	Tiếng Anh	54212510071	Nguyễn Thị Loan	Anh	02/04/2010
8	18	PM	01PM18A1,C1	ENG5.01	Tiếng Anh	54212520016	Trần Duy	Anh	11/03/2005
9	18	PM	01PM18A1,C1	ENG5.01	Tiếng Anh	54212510073	Bùi Nguyễn Minh	Quang	07/07/2010
10	18	DS	01DS18A1,C1	ENG5.01	Tiếng Anh	54212520018	Trần Hoàng Trúc	My	18/07/2003
11	18	DS	01DS18A1,C1	ENG5.01	Tiếng Anh	54212520017	Huỳnh Lê Mỹ	Nguyễn	15/10/2007
12	18	DS	01DS18A1,C1	ENG5.01	Tiếng Anh	54212520013	Trương Ngọc Thảo	Vy	11/10/2003
13	18	YS	02YS18B1,D1	ENG5.01	Tiếng Anh	54222510111	Nguyễn Hùng	Anh	24/07/2003
14	18	YS	02YS18B1,D1	ENG5.01	Tiếng Anh	54222520043	Cao Thị Như	Hằng	15/06/2000
15	18	YS	02YS18B1,D1	ENG5.01	Tiếng Anh	54222510115	Trần Gia	Kiệt	01/04/2006
16	18	YS	02YS18B1,D1	ENG5.01	Tiếng Anh	54222520035	Trần Yến	Linh	20/02/2004
17	18	YS	02YS18B1,D1	ENG5.01	Tiếng Anh	54222530013	Đỗ Thị Kim	Thoa	01/01/1987
18	18	YS	02YS18B1,D1	ENG5.01	Tiếng Anh	54222510017	Nguyễn Thị Mỹ	Xuyên	20/01/2004
19	18	DD	02DD18B1,D1	ENG5.01	Tiếng Anh	54222520036	Huỳnh Hữu	Nhân	02/12/2006
20	18	DD	02DD18B1,D1	ENG5.01	Tiếng Anh	54222510121	Hồ Ngọc Bảo	Nhi	17/10/2004
21	18	DN	02DN18E1	ENG5.01	Tiếng Anh	54232520053	Nguyễn Văn	Bình	30/10/2000
22	18	DN	02DN18E1	ENG5.01	Tiếng Anh	54232520050	Lê Đại	Dương	04/01/1992
23	18	DN	02DN18E1	ENG5.01	Tiếng Anh	54232520048	Huỳnh Trúc	Giàu	16/11/1999
24	18	DN	02DN18E1	ENG5.01	Tiếng Anh	54232520055	Trần Thái	Hưng	18/09/1993
25	18	DN	02DN18E1	ENG5.01	Tiếng Anh	54232520033	Nguyễn Thị Kim	Lan	03/03/2005
26	18	DN	02DN18E1	ENG5.01	Tiếng Anh	54232520042	Nguyễn Thị Ngọc	Mai	25/12/2005
27	18	DN	02DN18E1	ENG5.01	Tiếng Anh	54232520031	Ngô Thị Yến	Nhi	16/01/2007
28	18	DN	02DN18E1	ENG5.01	Tiếng Anh	54232520037	Trương Phương	Nhật	11/04/2003
29	18	DN	02DN18E1	ENG5.01	Tiếng Anh	54232520054	Phan Lý Bảo	Trân	23/07/1998
30	18	DN	02DN18E1	ENG5.01	Tiếng Anh	54232520051	Nguyễn Thanh	Trúc	17/08/2001
31	18	DN	02DN18E1	ENG5.01	Tiếng Anh	54232520039	Phạm Thanh	Tuấn	11/04/2003
32	18	KT	02KT18E1	ENG5.01	Tiếng Anh	54232520038	Trần Thị Ngọc	Diệu	14/02/1996
33	18	KT	02KT18E1	ENG5.01	Tiếng Anh	54232520040	Đỗ Lê Ánh	Dương	24/11/2007
34	18	KT	02KT18E1	ENG5.01	Tiếng Anh	54222520040	Nguyễn Thị	Hà	15/12/2007

STT	Khoá	Ngành	Lớp	Mã môn học	Tên môn học	Mã số học sinh	Họ và	tên	Ngày sinh
35	18	KT	02KT18E1	ENG5.01	Tiếng Anh	54222520007	Nguyễn Hữu	Hào	15/06/2002
36	18	KT	02KT18E1	ENG5.01	Tiếng Anh	54232520032	Trần Nguyễn Hồng	Ngọc	10/11/1974
37	18	KT	02KT18E1	ENG5.01	Tiếng Anh	54232520035	Phan Lâm Hùng	Phụng	26/04/2005
38	18	KT	02KT18E1	ENG5.01	Tiếng Anh	54232520036	Đặng Thị Phương	Thanh	02/07/2006
39	18	KT	02KT18E1	ENG5.01	Tiếng Anh	54232520046	Võ Thị Hương	Thảo	20/07/1991
40	18	KT	02KT18E1	ENG5.01	Tiếng Anh	54232520047	Trần Thị Kim	Thu	25/03/1996
41	18	KT	02KT18E1	ENG5.01	Tiếng Anh	54232520034	Lê Võ Anh	Thư	05/03/2003
42	18	KT	02KT18E1	ENG5.01	Tiếng Anh	54232520044	Nguyễn Thị Hồng	Thủy	25/06/1998
43	18	KT	02KT18E1	ENG5.01	Tiếng Anh	54232520043	Đào Thủy	Tiên	27/02/2001
44	18	KT	02KT18E1	ENG5.01	Tiếng Anh	54232520052	Lê Văn	Tiến	10/10/2004
45	18	KT	02KT18E1	ENG5.01	Tiếng Anh	54232520049	Kiều Thị Yến	Trang	04/03/1992
46	18	KT	02KT18E1	ENG5.01	Tiếng Anh	54232520045	Võ Thanh Trà	Vy	28/02/2007
47	18	KT	02KT18E1	ENG5.01	Tiếng Anh	54232520056	Trần	Tuyển	20/05/1988
48	17	YS	02YS17C1	ENG5.01	Tiếng Anh	54222410248	Nguyễn Văn	Đại	05/08/2008
49	17	KT	02KT17E1	ENG5.01	Tiếng Anh	54232420037	Nguyễn Thị Khánh	Đoan	13/10/2002
50	17	YS	02YS17C1	ENG5.01	Tiếng Anh	54222410177	Phạm Kim	Ngân	10/08/2007
51	17	DD	01DD17C1	ENG5.01	Tiếng Anh	54222410112	Huỳnh Tấn	Tài	24/10/2004
52	17	KT	02KT17E1	ENG5.01	Tiếng Anh	54222420098	Nguyễn Thị Thùy	Tiên	30/05/2005
53	17	YS	02YS17D1	ENG5.01	Tiếng Anh	54222410239	Nguyễn Thị Lệ	Trinh	28/10/1991
54	17	DN	02DN17E1	ENG5.01	Tiếng Anh	54232420038	Đinh Thanh	Tùng	25/08/1998
55	17	DD	02DD17B1	ENG5.01	Tiếng Anh	54222420099	Phùng Trúc	Vy	09/08/1994

Lưu ý:

- **Học sinh xem mã Lớp, mã môn học trên Thời khóa biểu để tham gia học đúng ngày, giờ**
- **Học sinh đã được tổ chức học nhưng không tham gia học/ có tham gia học nhưng không đủ điều kiện dự thi kết thúc môn/ đủ điều kiện dự thi kết thúc môn 2 lần nhưng "không đạt" - Liên hệ trực tiếp Phòng Đào tạo đăng ký và đóng phí học trả nợ môn.**

DANH SÁCH LỚP HỌC MÔN PHÁP LUẬT
HỌC KỲ I - NĂM HỌC: 2025-2026

STT	Khoá	Ngành	Lớp	Mã môn học	Tên môn học	Mã số học sinh	Họ và	tên	Ngày sinh
1	18	YS	01YS18A1,C1	LEG5.01	Pháp luật	54212520014	Trần Quỳnh	Như	23/09/2007
2	18	YS	01YS18A1,C1	LEG5.01	Pháp luật	54212510008	Nguyễn Như	Ý	11/12/2010
3	18	DD	01DD18A1,C1	LEG5.01	Pháp luật	54212510069	Nguyễn Lâm Gia	Mỹ	29/07/2010
4	18	DD	01DD18A1,C1	LEG5.01	Pháp luật	54212520019	Lê Thị Thu	Sương	29/07/1997
5	18	DD	01DD18A1,C1	LEG5.01	Pháp luật	54212520015	Trần Thị Thanh	Thảo	04/08/2007
6	18	DD	01DD18A1,C1	LEG5.01	Pháp luật	54212510070	Cao Hoàng Minh	Thơ	03/12/2010
7	18	DS	01DS18A1,C1	LEG5.01	Pháp luật	54212520003	Huỳnh Nguyễn Công	Hậu	26/06/2002
8	18	DS	01DS18A1,C1	LEG5.01	Pháp luật	54212520018	Trần Hoàng Trúc	My	18/07/2003
9	18	DS	01DS18A1,C1	LEG5.01	Pháp luật	54212520017	Huỳnh Lê Mỹ	Nguyên	15/10/2007
10	18	PM	01PM18A1,C1	LEG5.01	Pháp luật	54212510071	Nguyễn Thị Loan	Anh	02/04/2010
11	18	PM	01PM18A1,C1	LEG5.01	Pháp luật	54212520016	Trần Duy	Anh	11/03/2005
12	18	PM	01PM18A1,C1	LEG5.01	Pháp luật	54212510073	Bùi Nguyễn Minh	Quang	07/07/2010
13	18	YS	02YS18B1,D1	LEG5.01	Pháp luật	54222510111	Nguyễn Hùng	Anh	24/07/2003
14	18	YS	02YS18B1,D1	LEG5.01	Pháp luật	54222520033	Phạm Đình	Hải	01/08/1999
15	18	YS	02YS18B1,D1	LEG5.01	Pháp luật	54222520043	Cao Thị Như	Hằng	15/06/2000
16	18	YS	02YS18B1,D1	LEG5.01	Pháp luật	54222510115	Trần Gia	Kiệt	01/04/2006
17	18	YS	02YS18B1,D1	LEG5.01	Pháp luật	54222520035	Trần Yên	Linh	20/02/2004
18	18	YS	02YS18B1,D1	LEG5.01	Pháp luật	54222520037	Trần Mẫn	Nghi	05/08/2004
19	18	YS	02YS18B1,D1	LEG5.01	Pháp luật	54222530013	Đỗ Thị Kim	Thoa	01/01/1987
20	18	YS	02YS18B1,D1	LEG5.01	Pháp luật	54222520022	Lê Ngọc	Trâm	9/16/2001
21	18	DD	02DD18B1,D1	LEG5.01	Pháp luật	54222510088	Lê Xuân	Đào	05/01/2009
22	18	DD	02DD18B1,D1	LEG5.01	Pháp luật	54222510048	Bùi Thị Diễm	My	07/12/1999
23	18	DD	02DD18B1,D1	LEG5.01	Pháp luật	54222520036	Huỳnh Hữu	Nhân	02/12/2006
24	18	DD	02DD18B1,D1	LEG5.01	Pháp luật	54222510121	Hồ Ngọc Bảo	Nhi	17/10/2004
25	18	DD	02DD18B1,D1	LEG5.01	Pháp luật	54222510077	Ngô Ngọc	Tân	25/01/1999
26	18	DD	02DD18B1,D1	LEG5.01	Pháp luật	54222530007	Nguyễn Thị Hà	Thu	26/10/1994
27	18	DD	02DD18B1,D1	LEG5.01	Pháp luật	54222530008	Phan Thị Cẩm	Tiên	09/05/1994
28	18	DD	02DD18B1,D1	LEG5.01	Pháp luật	54222520038	Hà Phi	Yến	25/12/2007
29	18	DN	02DN18E1	LEG5.01	Pháp luật	54222510061	Nguyễn Quốc	An	02/01/2004
30	18	DN	02DN18E1	LEG5.01	Pháp luật	54232520053	Nguyễn Văn	Bình	30/10/2000
31	18	DN	02DN18E1	LEG5.01	Pháp luật	54232520050	Lê Đại	Dương	04/01/1992

STT	Khoá	Ngành	Lớp	Mã môn học	Tên môn học	Mã số học sinh	Họ và	tên	Ngày sinh
32	18	DN	02DN18E1	LEG5.01	Pháp luật	54232520048	Huỳnh Trúc	Giàu	16/11/1999
33	18	DN	02DN18E1	LEG5.01	Pháp luật	54232520055	Trần Thái	Hưng	18/09/1993
34	18	DN	02DN18E1	LEG5.01	Pháp luật	54232520033	Nguyễn Thị Kim	Lan	03/03/2005
35	18	DN	02DN18E1	LEG5.01	Pháp luật	54232520042	Nguyễn Thị Ngọc	Mai	25/12/2005
36	18	DN	02DN18E1	LEG5.01	Pháp luật	54232520031	Ngô Thị Yến	Nhi	16/01/2007
37	18	DN	02DN18E1	LEG5.01	Pháp luật	54232520037	Trương Phương	Nhật	11/04/2003
38	18	DN	02DN18E1	LEG5.01	Pháp luật	54232520054	Phan Lý Bảo	Trân	23/07/1998
39	18	DN	02DN18E1	LEG5.01	Pháp luật	54232520051	Nguyễn Thanh	Trúc	17/08/2001
40	18	DN	02DN18E1	LEG5.01	Pháp luật	54232520039	Phạm Thanh	Tuấn	11/04/2003
41	18	KT	02KT18E1	LEG5.01	Pháp luật	54232520038	Trần Thị Ngọc	Diệu	14/02/1996
42	18	KT	02KT18E1	LEG5.01	Pháp luật	54232520040	Đỗ Lê Ánh	Dương	24/11/2007
43	18	KT	02KT18E1	LEG5.01	Pháp luật	54222520040	Nguyễn Thị	Hà	15/12/2007
44	18	KT	02KT18E1	LEG5.01	Pháp luật	54232520041	Đặng Ngọc	Huyền	05/11/1997
45	18	KT	02KT18E1	LEG5.01	Pháp luật	54232520032	Trần Nguyễn Hồng	Ngọc	10/11/1974
46	18	KT	02KT18E1	LEG5.01	Pháp luật	54232520035	Phan Lâm Hùng	Phụng	26/04/2005
47	18	KT	02KT18E1	LEG5.01	Pháp luật	54232520036	Đặng Thị Phương	Thanh	02/07/2006
48	18	KT	02KT18E1	LEG5.01	Pháp luật	54232520046	Võ Thị Hương	Thảo	20/07/1991
49	18	KT	02KT18E1	LEG5.01	Pháp luật	54232520047	Trần Thị Kim	Thu	25/03/1996
50	18	KT	02KT18E1	LEG5.01	Pháp luật	54232520034	Lê Võ Anh	Thư	05/03/2003
51	18	KT	02KT18E1	LEG5.01	Pháp luật	54232520044	Nguyễn Thị Hồng	Thủy	25/06/1998
52	18	KT	02KT18E1	LEG5.01	Pháp luật	54232520043	Đào Thuý	Tiên	27/02/2001
53	18	KT	02KT18E1	LEG5.01	Pháp luật	54232520052	Lê Văn	Tiến	10/10/2004
54	18	KT	02KT18E1	LEG5.01	Pháp luật	54232520049	Kiều Thị Yến	Trang	04/03/1992
55	18	KT	02KT18E1	LEG5.01	Pháp luật	54232520045	Võ Thanh Trà	Vy	28/02/2007
56	18	KT	02KT18E1	LEG5.01	Pháp luật	54232520056	Trần	Tuyển	20/05/1988
57	17	DD	01DD17C1	LEG5.01	Pháp luật	54222410112	Huỳnh Tấn	Tài	24/10/2004
58	17	YS	02YS17C1	LEG5.01	Pháp luật	54222410248	Nguyễn Văn	Đại	05/08/2008
59	17	YS	02YS17C1	LEG5.01	Pháp luật	54222410177	Phạm Kim	Ngân	10/08/2007
60	17	YS	02YS17D1	LEG5.01	Pháp luật	54222410239	Nguyễn Thị Lệ	Trinh	28/10/1991
STT	Khoá	Ngành	Lớp	Mã môn học	Tên môn học	Mã số học sinh	Họ và	tên	Ngày sinh
1	18	DN	02DN18A1,C1	LEG5.02	Pháp luật	54222510047	Nguyễn Liên	Anh	23/07/2005
2	18	DN	02DN18A1,C1	LEG5.02	Pháp luật	54222510110	Nguyễn Anh	Đạt	12/05/2009
3	18	DN	02DN18A1,C1	LEG5.02	Pháp luật	54222510082	Vũ Thị Bảo	Hân	23/01/2010
4	18	DN	02DN18A1,C1	LEG5.02	Pháp luật	54222510100	Trần Phương Thảo	Hiền	15/07/2006

STT	Khoá	Ngành	Lớp	Mã môn học	Tên môn học	Mã số học sinh	Họ và	tên	Ngày sinh
5	18	DN	02DN18A1,C1	LEG5.02	Pháp luật	54222510037	Thái Mỹ	Kim	25/02/2010
6	18	DN	02DN18A1,C1	LEG5.02	Pháp luật	54222520058	Đặng Hoài Phi	Long	15/06/2007
7	18	DN	02DN18A1,C1	LEG5.02	Pháp luật	54222510058	Đình Nhật	Minh	15/03/2010
8	18	DN	02DN18A1,C1	LEG5.02	Pháp luật	54222510066	Huỳnh Kim	Ngân	30/04/2010
9	18	DN	02DN18A1,C1	LEG5.02	Pháp luật	54222510109	Hồ Tâm	Như	15/02/2002
10	18	DN	02DN18A1,C1	LEG5.02	Pháp luật	54222510071	Hà Dương Hoàng	Phúc	14/01/2005
11	18	DN	02DN18A1,C1	LEG5.02	Pháp luật	54222510096	Nguyễn Hồ Duy	Phúc	01/01/2006
12	18	DN	02DN18A1,C1	LEG5.02	Pháp luật	54222510081	Đoàn Nguyễn Duy	Quân	14/12/2006
13	18	DN	02DN18A1,C1	LEG5.02	Pháp luật	54222520057	Phùng Nguyễn Minh	Quân	22/01/2005
14	18	DN	02DN18A1,C1	LEG5.02	Pháp luật	54222510085	Lê Nguyễn Mỹ	Tiên	17/12/2010
15	18	DN	02DN18A1,C1	LEG5.02	Pháp luật	54222510024	Hồ Thanh Thủy	Trúc	11/08/2010
16	18	PM	02PM18A1,C1	LEG5.02	Pháp luật	54222510093	Phan Tuấn	Anh	16/11/2010
17	18	PM	02PM18A1,C1	LEG5.02	Pháp luật	54222510065	Huỳnh Nguyễn Gia	Bảo	27/05/2010
18	18	PM	02PM18A1,C1	LEG5.02	Pháp luật	54222520052	Nguyễn Thanh	Dur	20/12/2007
19	18	PM	02PM18A1,C1	LEG5.02	Pháp luật	54222510087	Võ Thành	Được	18/10/2009
20	18	PM	02PM18A1,C1	LEG5.02	Pháp luật	54222520039	Nguyễn Duy	Hiển	24/09/2007
21	18	PM	02PM18A1,C1	LEG5.02	Pháp luật	54222510092	Nguyễn Sinh	Hùng	12/06/2010
22	18	PM	02PM18A1,C1	LEG5.02	Pháp luật	54222510035	Vũ Quốc	Huy	01/12/2010
23	18	PM	02PM18A1,C1	LEG5.02	Pháp luật	54222510067	Trần Triều	Khang	27/12/2010
24	18	PM	02PM18A1,C1	LEG5.02	Pháp luật	54222520034	Thái Đăng	Khoa	19/09/2007
25	18	PM	02PM18A1,C1	LEG5.02	Pháp luật	54222510052	Nguyễn Duy	Lộc	12/10/2010
26	18	PM	02PM18A1,C1	LEG5.02	Pháp luật	54222510049	Nguyễn Ngọc Thảo	Nhi	12/11/2004
27	18	PM	02PM18A1,C1	LEG5.02	Pháp luật	54222510059	Nghiêm Thành	Phát	29/07/2009
28	18	PM	02PM18A1,C1	LEG5.02	Pháp luật	54222510068	Nguyễn Trần Thế	Phong	10/07/2010
29	18	PM	02PM18A1,C1	LEG5.02	Pháp luật	54222510060	Phạm Lưu Đại	Phú	01/05/2006
30	18	PM	02PM18A1,C1	LEG5.02	Pháp luật	54222510050	Lê Nguyễn Quốc	Phương	01/11/2010
31	18	PM	02PM18A1,C1	LEG5.02	Pháp luật	54222510095	Hà Duy	Quang	09/01/2010
32	18	PM	02PM18A1,C1	LEG5.02	Pháp luật	54222510073	Vũ Huy	Rạng	03/12/2009
33	18	PM	02PM18A1,C1	LEG5.02	Pháp luật	54222510051	Trương Minh	Sơn	27/07/2000
34	18	PM	02PM18A1,C1	LEG5.02	Pháp luật	54222510054	Đào Nhật	Tân	15/08/2009
35	18	PM	02PM18A1,C1	LEG5.02	Pháp luật	54222510046	Phạm Nguyễn Hoàng	Thiên	08/07/2008
36	18	PM	02PM18A1,C1	LEG5.02	Pháp luật	54222510107	Trần Quang	Vinh	29/10/2009
STT	Khoá	Ngành	Lớp	Mã môn học	Tên môn học	Mã số học sinh	Họ và	tên	Ngày sinh
1	18	YS	02YS18A1,C1	LEG5.03	Pháp luật	54222510122	Hoàng Đại	Điền	26/06/2009

STT	Khoá	Ngành	Lớp	Mã môn học	Tên môn học	Mã số học sinh	Họ và	tên	Ngày sinh
2	18	YS	02YS18A1,C1	LEG5.03	Pháp luật	54222520049	Trần Đức	Duy	18/12/2006
3	18	YS	02YS18A1,C1	LEG5.03	Pháp luật	54222510119	Nguyễn Nhựt	Hào	07/05/2007
4	18	YS	02YS18A1,C1	LEG5.03	Pháp luật	54222510112	Đào Minh	Lâm	27/10/2006
5	18	YS	02YS18A1,C1	LEG5.03	Pháp luật	54222520048	Trần Dương Phương	Mai	02/09/2001
6	18	YS	02YS18A1,C1	LEG5.03	Pháp luật	54222510070	Trần Quang	Minh	29/06/2000
7	18	YS	02YS18A1,C1	LEG5.03	Pháp luật	54222520053	Lê Quang	Minh	10/11/2007
8	18	YS	02YS18A1,C1	LEG5.03	Pháp luật	54222510036	Đinh Thị Tuyết	Nhi	09/05/1999
9	18	YS	02YS18A1,C1	LEG5.03	Pháp luật	54222520056	Đoàn Ngọc Phương	Nhi	23/07/2007
10	18	YS	02YS18A1,C1	LEG5.03	Pháp luật	54222510089	Lâm Linh	Phương	21/10/2009
11	18	YS	02YS18A1,C1	LEG5.03	Pháp luật	54222520041	Lê Hoàng Chinh	Su	14/09/2007
12	18	YS	02YS18A1,C1	LEG5.03	Pháp luật	54222510091	Lê Trường	Thịnh	25/07/2010
13	18	YS	02YS18A1,C1	LEG5.03	Pháp luật	54222510106	Dư Thuỳ Bảo	Trang	10/04/1995
14	18	YS	02YS18A1,C1	LEG5.03	Pháp luật	54222520061	Nguyễn Thị Linh	Trang	28/11/1991
15	18	YS	02YS18A1,C1	LEG5.03	Pháp luật	54222510102	Trần Nguyễn Thu	Vân	04/05/2007
16	18	YS	02YS18A1,C1	LEG5.03	Pháp luật	54222510090	Võ Nguyễn Phương	Vy	30/03/2009
17	18	DD	02DD18A1,C1	LEG5.03	Pháp luật	54222520046	Lê Thị Ngọc	An	09/04/1998
18	18	DD	02DD18A1,C1	LEG5.03	Pháp luật	54222510053	Trần Huy	An	15/03/2009
19	18	DD	02DD18A1,C1	LEG5.03	Pháp luật	54222510080	Đỗ Gia	Hân	19/06/2010
20	18	DD	02DD18A1,C1	LEG5.03	Pháp luật	54222520047	Nguyễn Ngọc	Hân	06/06/2007
21	18	DD	02DD18A1,C1	LEG5.03	Pháp luật	54222510041	Nguyễn Võ Ngân	Khánh	17/02/2010
22	18	DD	02DD18A1,C1	LEG5.03	Pháp luật	54222510078	Nguyễn Khánh	Linh	14/04/2010
23	18	DD	02DD18A1,C1	LEG5.03	Pháp luật	54222510083	Dương Đại	Nam	09/08/2010
24	18	DD	02DD18A1,C1	LEG5.03	Pháp luật	54222520063	Trần Mai	Nghi	02/01/2001
25	18	DD	02DD18A1,C1	LEG5.03	Pháp luật	54222510076	Tông Khánh	Ngọc	22/05/2008
26	18	DD	02DD18A1,C1	LEG5.03	Pháp luật	54222510118	Trần Thị Bích	Ngọc	01/04/2005
27	18	DD	02DD18A1,C1	LEG5.03	Pháp luật	54222510063	Phạm Ngọc Phương	Nhi	25/09/2010
28	18	DD	02DD18A1,C1	LEG5.03	Pháp luật	54222520055	Nguyễn Thị Ngọc	Nhi	05/09/2003
29	18	DD	02DD18A1,C1	LEG5.03	Pháp luật	54222510045	Trần Uyên	Như	30/09/2010
30	18	DD	02DD18A1,C1	LEG5.03	Pháp luật	54222510117	Trần Thị Huỳnh	Như	13/04/2009
31	18	DD	02DD18A1,C1	LEG5.03	Pháp luật	54222510064	Đặng Thanh	Phương	19/01/2009
32	18	DD	02DD18A1,C1	LEG5.03	Pháp luật	54222520060	Đậu Thị Hoài	Phương	10/2/2005
33	18	DD	02DD18A1,C1	LEG5.03	Pháp luật	54222510120	Ngô Thị Hoàng	Quyên	22/05/1998
34	18	DD	02DD18A1,C1	LEG5.03	Pháp luật	54222510069	Cao Ngọc	Thái	10/12/2010
35	18	DD	02DD18A1,C1	LEG5.03	Pháp luật	54222510084	Trần Trọng	Thiên	26/08/2001

STT	Khoá	Ngành	Lớp	Mã môn học	Tên môn học	Mã số học sinh	Họ và	tên	Ngày sinh
36	18	DD	02DD18A1,C1	LEG5.03	Pháp luật	54222510074	Nguyễn Thị Ngọc	Thơ	06/05/2009
37	18	DD	02DD18A1,C1	LEG5.03	Pháp luật	54222510056	Đặng Thanh	Tiến	27/12/2006
38	18	DD	02DD18A1,C1	LEG5.03	Pháp luật	54222510055	Lê Minh	Trí	13/02/2010
39	18	DD	02DD18A1,C1	LEG5.03	Pháp luật	54222510099	Phạm Đỗ Tiến	Trung	07/11/2009
40	18	DD	02DD18A1,C1	LEG5.03	Pháp luật	54222520059	Hồ Nguyễn Ngọc	Yến	14/03/2005
41	18	DS	02DS18A1,C1	LEG5.03	Pháp luật	54222510075	Lê Trí	Bảo	16/11/2010
42	18	DS	02DS18A1,C1	LEG5.03	Pháp luật	54222520051	Cao Hoàng	Bảo	04/08/2000
43	18	DS	02DS18A1,C1	LEG5.03	Pháp luật	54222520045	Hồ Nhật	Huy	28/02/2000
44	18	DS	02DS18A1,C1	LEG5.03	Pháp luật	54222510113	Nguyễn Đăng	Khôi	9/23/2010
45	18	DS	02DS18A1,C1	LEG5.03	Pháp luật	54222510086	Nguyễn Hiếu	Lợi	09/10/2006
46	18	DS	02DS18A1,C1	LEG5.03	Pháp luật	54222510103	Trần Thanh	Ngân	15/03/2005
47	18	DS	02DS18A1,C1	LEG5.03	Pháp luật	54222510108	Trần Thị	Như	27/08/2010
48	18	DS	02DS18A1,C1	LEG5.03	Pháp luật	54222520064	Nguyễn Thành	Phúc	05/04/1990
49	18	DS	02DS18A1,C1	LEG5.03	Pháp luật	54222510004	Nguyễn Ngọc Diễm	Quỳnh	11/02/2009
50	18	DS	02DS18A1,C1	LEG5.03	Pháp luật	54222510116	Lê Thị	Trinh	01/01/1994
51	18	DS	02DS18A1,C1	LEG5.03	Pháp luật	54222520062	Nguyễn Bùi Quốc	Tuấn	03/01/2000

Lưu ý:

- *Học sinh xem mã Lớp, mã môn học trên Thời khóa biểu để tham gia học đúng ngày, giờ*
- *Học sinh đã được tổ chức học nhưng không tham gia học/ có tham gia học nhưng không đủ điều kiện dự thi kết thúc môn/ đủ điều kiện dự thi kết thúc môn 2 lần nhưng "không đạt" - Liên hệ trực tiếp Phòng Đào tạo đăng ký và đóng phí học trả nợ môn.*

DANH SÁCH LỚP HỌC MÔN GIÁO DỤC THỂ CHẤT
HỌC KỲ I - NĂM HỌC: 2025-2026

STT	Khoá	Ngành	Lớp	Mã môn học	Tên môn học	Mã số học sinh	Họ và	tên	Ngày sinh
1	18	PM	01PM18A1,C1	PHY5.01	Giáo dục thể chất	54212510071	Nguyễn Thị Loan	Anh	02/04/2010
2	18	PM	01PM18A1,C1	PHY5.01	Giáo dục thể chất	54212520016	Trần Duy	Anh	11/03/2005
3	18	DS	01DS18A1,C1	PHY5.01	Giáo dục thể chất	54212520018	Trần Hoàng Trúc	My	18/07/2003
4	18	DD	01DD18A1,C1	PHY5.01	Giáo dục thể chất	54212510069	Nguyễn Lâm Gia	Mỹ	29/07/2010
5	18	DS	01DS18A1,C1	PHY5.01	Giáo dục thể chất	54212520017	Huỳnh Lê Mỹ	Nguyên	15/10/2007
6	18	YS	01YS18A1,C1	PHY5.01	Giáo dục thể chất	54212520014	Trần Quỳnh	Như	23/09/2007
7	18	PM	01PM18A1,C1	PHY5.01	Giáo dục thể chất	54212510073	Bùi Nguyễn Minh	Quang	07/07/2010
8	18	DD	01DD18A1,C1	PHY5.01	Giáo dục thể chất	54212520019	Lê Thị Thu	Sương	29/07/1997
9	18	DD	01DD18A1,C1	PHY5.01	Giáo dục thể chất	54212520015	Trần Thị Thanh	Thảo	04/08/2007
10	18	DD	01DD18A1,C1	PHY5.01	Giáo dục thể chất	54212510070	Cao Hoàng Minh	Thơ	03/12/2010
11	18	YS	01YS18A1,C1	PHY5.01	Giáo dục thể chất	54212510008	Nguyễn Như	Ý	11/12/2010
12	18	YS	02YS18B1,D1	PHY5.01	Giáo dục thể chất	54222510111	Nguyễn Hùng	Anh	24/07/2003
13	18	YS	02YS18B1,D1	PHY5.01	Giáo dục thể chất	54222520043	Cao Thị Như	Hằng	15/06/2000
14	18	YS	02YS18B1,D1	PHY5.01	Giáo dục thể chất	54222510115	Trần Gia	Kiệt	01/04/2006
15	18	YS	02YS18B1,D1	PHY5.01	Giáo dục thể chất	54222520035	Trần Yến	Linh	20/02/2004
16	18	YS	02YS18B1,D1	PHY5.01	Giáo dục thể chất	54222530013	Đỗ Thị Kim	Thoa	01/01/1987
17	18	YS	02YS18B1,D1	PHY5.01	Giáo dục thể chất	54222520022	Lê Ngọc	Trâm	9/16/2001
18	18	YS	02YS18B1,D1	PHY5.01	Giáo dục thể chất	54222510017	Nguyễn Thị Mỹ	Xuyên	20/01/2004
19	18	DD	02DD18B1,D1	PHY5.01	Giáo dục thể chất	54222510088	Lê Xuân	Đào	05/01/2009
20	18	DD	02DD18B1,D1	PHY5.01	Giáo dục thể chất	54222510048	Bùi Thị Diễm	My	07/12/1999
21	18	DD	02DD18B1,D1	PHY5.01	Giáo dục thể chất	54222520036	Huỳnh Hữu	Nhân	02/12/2006
22	18	DD	02DD18B1,D1	PHY5.01	Giáo dục thể chất	54222510121	Hồ Ngọc Bảo	Nhi	17/10/2004
23	17	PM	01PM17C1	PHY5.01	Giáo dục thể chất	54212410151	Nguyễn Phước Minh	Quân	26/09/2003
24	17	KT	01KT17A1	PHY5.01	Giáo dục thể chất	54212420032	Võ Thị Tuyết	Nhung	18/10/2006
25	17	KT	01KT17A1	PHY5.01	Giáo dục thể chất	54212420031	Nguyễn Trung	Tín	30/07/2000
26	17	KT	02KT17E1	PHY5.01	Giáo dục thể chất	54222410048	Lê Thị Khánh	Hòa	14/06/1994
27	17	DS	01DS17C1	PHY5.01	Giáo dục thể chất	54212410154	Huỳnh Thị Bích	Nhi	10/10/1999
28	17	DS	01DS17C1	PHY5.01	Giáo dục thể chất	54212410152	Nguyễn Thị Bích	Tiền	20/11/2007
29	17	DS	01DS17B1	PHY5.01	Giáo dục thể chất	54212420034	Nguyễn Thị Thanh	Trúc	03/03/2005
30	17	DS	01DS17B1	PHY5.01	Giáo dục thể chất	54212420027	Huỳnh Nhật	Vy	20/08/2001
31	17	DS	01DS17B1	PHY5.01	Giáo dục thể chất	54212420017	Nguyễn Thị Hồng	Yên	26/06/1995

STT	Khoá	Ngành	Lớp	Mã môn học	Tên môn học	Mã số học sinh	Họ và	tên	Ngày sinh
32	17	DD	02DD17D1	PHY5.01	Giáo dục thể chất	54222410022	Trần Anh	Thư	08/03/2003
33	17	DN	02DN17E1	PHY5.01	Giáo dục thể chất	54222410008	Phạm Hoài	Thịnh	21/01/1996
34	17	DN	02DN17E1	PHY5.01	Giáo dục thể chất	54222410209	Nguyễn Huy	Hoàng	08/12/1995
35	17	YS	01YS17A1	PHY5.01	Giáo dục thể chất	54212420037	Bùi Gia	Kiên	02/02/1980
36	17	YS	02YS17C1	PHY5.01	Giáo dục thể chất	54222410248	Nguyễn Văn	Đại	05/08/2008
37	17	YS	02YS17C1	PHY5.01	Giáo dục thể chất	54222410177	Phạm Kim	Ngân	10/08/2007
38	17	YS	02YS17D1	PHY5.01	Giáo dục thể chất	54222410191	Hồ Đặng Phương	Như	06/09/2006
39	17	YS	02YS17D1	PHY5.01	Giáo dục thể chất	54222410044	Nguyễn Thị Thảo	Trang	14/06/2004
STT	Khoá	Ngành	Lớp	Mã môn học	Tên môn học	Mã số học sinh	Họ và	tên	Ngày sinh
1	18	YS	02YS18A1,C1	PHY5.02	Giáo dục thể chất	54222510122	Hoàng Đại	Diễn	26/06/2009
2	18	YS	02YS18A1,C1	PHY5.02	Giáo dục thể chất	54222520049	Trần Đức	Duy	18/12/2006
3	18	YS	02YS18A1,C1	PHY5.02	Giáo dục thể chất	54222510119	Nguyễn Nhật	Hào	07/05/2007
4	18	YS	02YS18A1,C1	PHY5.02	Giáo dục thể chất	54222510112	Đào Minh	Lâm	27/10/2006
5	18	YS	02YS18A1,C1	PHY5.02	Giáo dục thể chất	54222520048	Trần Dương Phương	Mai	02/09/2001
6	18	YS	02YS18A1,C1	PHY5.02	Giáo dục thể chất	54222510070	Trần Quang	Minh	29/06/2000
7	18	YS	02YS18A1,C1	PHY5.02	Giáo dục thể chất	54222520053	Lê Quang	Minh	10/11/2007
8	18	YS	02YS18A1,C1	PHY5.02	Giáo dục thể chất	54222510036	Đinh Thị Tuyết	Nhi	09/05/1999
9	18	YS	02YS18A1,C1	PHY5.02	Giáo dục thể chất	54222520056	Đoàn Ngọc Phương	Nhi	23/07/2007
10	18	YS	02YS18A1,C1	PHY5.02	Giáo dục thể chất	54222510089	Lâm Linh	Phương	21/10/2009
11	18	YS	02YS18A1,C1	PHY5.02	Giáo dục thể chất	54222520031	Lê Châu Anh	Quân	24/09/2003
12	18	YS	02YS18A1,C1	PHY5.02	Giáo dục thể chất	54222530014	Huỳnh Như	Quỳnh	27/07/1990
13	18	YS	02YS18A1,C1	PHY5.02	Giáo dục thể chất	54222520041	Lê Hoàng Chinh	Su	14/09/2007
14	18	YS	02YS18A1,C1	PHY5.02	Giáo dục thể chất	54222510010	Nguyễn Công	Tập	29/01/1990
15	18	YS	02YS18A1,C1	PHY5.02	Giáo dục thể chất	54222510091	Lê Trường	Thịnh	25/07/2010
16	18	YS	02YS18A1,C1	PHY5.02	Giáo dục thể chất	54222520021	Lê Thị Nhã	Trân	19/05/1996
17	18	YS	02YS18A1,C1	PHY5.02	Giáo dục thể chất	54222510106	Dư Thuỷ Bảo	Trang	10/04/1995
18	18	YS	02YS18A1,C1	PHY5.02	Giáo dục thể chất	54222520061	Nguyễn Thị Linh	Trang	28/11/1991
19	18	YS	02YS18A1,C1	PHY5.02	Giáo dục thể chất	54222510102	Trần Nguyễn Thu	Vân	04/05/2007
20	18	YS	02YS18A1,C1	PHY5.02	Giáo dục thể chất	54222510090	Võ Nguyễn Phương	Vy	30/03/2009
21	18	DD	02DD18A1,C1	PHY5.02	Giáo dục thể chất	54222520046	Lê Thị Ngọc	An	09/04/1998
22	18	DD	02DD18A1,C1	PHY5.02	Giáo dục thể chất	54222510053	Trần Huy	An	15/03/2009
23	18	DD	02DD18A1,C1	PHY5.02	Giáo dục thể chất	54222510002	Trương Châu Gia	Bảo	06/11/2000
24	18	DD	02DD18A1,C1	PHY5.02	Giáo dục thể chất	54222510007	Võ Phát	Đạt	19/03/2004
25	18	DD	02DD18A1,C1	PHY5.02	Giáo dục thể chất	54222510015	Tăng Thị Mỹ	Duyên	16/11/2003

STT	Khoá	Ngành	Lớp	Mã môn học	Tên môn học	Mã số học sinh	Họ và	tên	Ngày sinh
26	18	DD	02DD18A1,C1	PHY5.02	Giáo dục thể chất	54222510042	Phạm Hiếu	Hân	17/05/2003
27	18	DD	02DD18A1,C1	PHY5.02	Giáo dục thể chất	54222510080	Đỗ Gia	Hân	19/06/2010
28	18	DD	02DD18A1,C1	PHY5.02	Giáo dục thể chất	54222520047	Nguyễn Ngọc	Hân	06/06/2007
29	18	DD	02DD18A1,C1	PHY5.02	Giáo dục thể chất	54222510041	Nguyễn Võ Ngân	Khánh	17/02/2010
30	18	DD	02DD18A1,C1	PHY5.02	Giáo dục thể chất	54222510078	Nguyễn Khánh	Linh	14/04/2010
31	18	DD	02DD18A1,C1	PHY5.02	Giáo dục thể chất	54222510083	Dương Đại	Nam	09/08/2010
32	18	DD	02DD18A1,C1	PHY5.02	Giáo dục thể chất	54222520063	Trần Mai	Nghi	02/01/2001
33	18	DD	02DD18A1,C1	PHY5.02	Giáo dục thể chất	54222510076	Tông Khánh	Ngọc	22/05/2008
34	18	DD	02DD18A1,C1	PHY5.02	Giáo dục thể chất	54222510118	Trần Thị Bích	Ngọc	01/04/2005
35	18	DD	02DD18A1,C1	PHY5.02	Giáo dục thể chất	54222510063	Phạm Ngọc Phương	Nhi	25/09/2010
36	18	DD	02DD18A1,C1	PHY5.02	Giáo dục thể chất	54222520055	Nguyễn Thị Ngọc	Nhi	05/09/2003
37	18	DD	02DD18A1,C1	PHY5.02	Giáo dục thể chất	54222510045	Trần Uyển	Như	30/09/2010
38	18	DD	02DD18A1,C1	PHY5.02	Giáo dục thể chất	54222510117	Trần Thị Huýnh	Như	13/04/2009
39	18	DD	02DD18A1,C1	PHY5.02	Giáo dục thể chất	54222510064	Đặng Thanh	Phương	19/01/2009
40	18	DD	02DD18A1,C1	PHY5.02	Giáo dục thể chất	54222520060	Đậu Thị Hoài	Phương	10/2/2005
41	18	DD	02DD18A1,C1	PHY5.02	Giáo dục thể chất	54222510120	Ngô Thị Hoàng	Quyên	22/05/1998
42	18	DD	02DD18A1,C1	PHY5.02	Giáo dục thể chất	54222510069	Cao Ngọc	Thái	10/12/2010
43	18	DD	02DD18A1,C1	PHY5.02	Giáo dục thể chất	54222510084	Trần Trọng	Thiên	26/08/2001
44	18	DD	02DD18A1,C1	PHY5.02	Giáo dục thể chất	54222510074	Nguyễn Thị Ngọc	Thơ	06/05/2009
45	18	DD	02DD18A1,C1	PHY5.02	Giáo dục thể chất	54222510056	Đặng Thanh	Tiến	27/12/2006
46	18	DD	02DD18A1,C1	PHY5.02	Giáo dục thể chất	54222510022	Nguyễn Cao	Toàn	21/10/2007
47	18	DD	02DD18A1,C1	PHY5.02	Giáo dục thể chất	54222520012	Nguyễn Phạm Ngọc	Trân	25/08/1999
48	18	DD	02DD18A1,C1	PHY5.02	Giáo dục thể chất	54222510055	Lê Minh	Trí	13/02/2010
49	18	DD	02DD18A1,C1	PHY5.02	Giáo dục thể chất	54222510099	Phạm Đỗ Tiến	Trung	07/11/2009
50	18	DD	02DD18A1,C1	PHY5.02	Giáo dục thể chất	54222510005	Nguyễn Hồng Thanh	Vân	08/10/2003
51	18	DD	02DD18A1,C1	PHY5.02	Giáo dục thể chất	54222520059	Hồ Nguyễn Ngọc	Yến	14/03/2005
52	18	DS	02DS18A1,C1	PHY5.02	Giáo dục thể chất	54222510075	Lê Trí	Bảo	16/11/2010
53	18	DS	02DS18A1,C1	PHY5.02	Giáo dục thể chất	54222520051	Cao Hoàng	Bảo	04/08/2000
54	18	DS	02DS18A1,C1	PHY5.02	Giáo dục thể chất	54222520014	Lê Thị	Dịu	22/12/1999
55	18	DS	02DS18A1,C1	PHY5.02	Giáo dục thể chất	54222520045	Hồ Nhật	Huy	28/02/2000
56	18	DS	02DS18A1,C1	PHY5.02	Giáo dục thể chất	54222510113	Nguyễn Đăng	Khôi	9/23/2010
57	18	DS	02DS18A1,C1	PHY5.02	Giáo dục thể chất	54222510086	Nguyễn Hiếu	Lợi	09/10/2006
58	18	DS	02DS18A1,C1	PHY5.02	Giáo dục thể chất	54222510103	Trần Thanh	Ngân	15/03/2005
59	18	DS	02DS18A1,C1	PHY5.02	Giáo dục thể chất	54222510108	Trần Thị	Như	27/08/2010

STT	Khoá	Ngành	Lớp	Mã môn học	Tên môn học	Mã số học sinh	Họ và	tên	Ngày sinh
60	18	DS	02DS18A1,C1	PHY5.02	Giáo dục thể chất	54222520064	Nguyễn Thành	Phúc	05/04/1990
61	18	DS	02DS18A1,C1	PHY5.02	Giáo dục thể chất	54222510004	Nguyễn Ngọc Diễm	Quỳnh	11/02/2009
62	18	DS	02DS18A1,C1	PHY5.02	Giáo dục thể chất	54222510012	Trần Quang Tiến	Triển	04/06/2001
63	18	DS	02DS18A1,C1	PHY5.02	Giáo dục thể chất	54222510116	Lê Thị	Trinh	01/01/1994
64	18	DS	02DS18A1,C1	PHY5.02	Giáo dục thể chất	54222520062	Nguyễn Bùi Quốc	Tuấn	03/01/2000
STT	Khoá	Ngành	Lớp	Mã môn học	Tên môn học	Mã số học sinh	Họ và	tên	Ngày sinh
1	18	PM	02PM18A1,C1	PHY5.03	Giáo dục thể chất	54222510093	Phan Tuấn	Anh	16/11/2010
2	18	PM	02PM18A1,C1	PHY5.03	Giáo dục thể chất	54222510065	Huỳnh Nguyễn Gia	Bảo	27/05/2010
3	18	PM	02PM18A1,C1	PHY5.03	Giáo dục thể chất	54222520052	Nguyễn Thanh	Dur	20/12/2007
4	18	PM	02PM18A1,C1	PHY5.03	Giáo dục thể chất	54222510087	Võ Thành	Được	18/10/2009
5	18	PM	02PM18A1,C1	PHY5.03	Giáo dục thể chất	54222520039	Nguyễn Duy	Hiền	24/09/2007
6	18	PM	02PM18A1,C1	PHY5.03	Giáo dục thể chất	54222510092	Nguyễn Sinh	Hùng	12/06/2010
7	18	PM	02PM18A1,C1	PHY5.03	Giáo dục thể chất	54222510035	Vũ Quốc	Huy	01/12/2010
8	18	PM	02PM18A1,C1	PHY5.03	Giáo dục thể chất	54222510067	Trần Triều	Khang	27/12/2010
9	18	PM	02PM18A1,C1	PHY5.03	Giáo dục thể chất	54222520034	Thái Đăng	Khoa	19/09/2007
10	18	PM	02PM18A1,C1	PHY5.03	Giáo dục thể chất	54222510052	Nguyễn Duy	Lộc	12/10/2010
11	18	PM	02PM18A1,C1	PHY5.03	Giáo dục thể chất	54222510049	Nguyễn Ngọc Thảo	Nhi	12/11/2004
12	18	PM	02PM18A1,C1	PHY5.03	Giáo dục thể chất	54222510059	Nghiêm Thành	Phát	29/07/2009
13	18	PM	02PM18A1,C1	PHY5.03	Giáo dục thể chất	54222510068	Nguyễn Trần Thế	Phong	10/07/2010
14	18	PM	02PM18A1,C1	PHY5.03	Giáo dục thể chất	54222510060	Phạm Lưu Đại	Phú	01/05/2006
15	18	PM	02PM18A1,C1	PHY5.03	Giáo dục thể chất	54222510050	Lê Nguyễn Quốc	Phương	01/11/2010
16	18	PM	02PM18A1,C1	PHY5.03	Giáo dục thể chất	54222510095	Hà Duy	Quang	09/01/2010
17	18	PM	02PM18A1,C1	PHY5.03	Giáo dục thể chất	54222510073	Vũ Huy	Rạng	03/12/2009
18	18	PM	02PM18A1,C1	PHY5.03	Giáo dục thể chất	54222510051	Trương Minh	Sơn	27/07/2000
19	18	PM	02PM18A1,C1	PHY5.03	Giáo dục thể chất	54222510054	Đào Nhật	Tân	15/08/2009
20	18	PM	02PM18A1,C1	PHY5.03	Giáo dục thể chất	54222510008	Nguyễn Thiện	Thanh	06/09/2006
21	18	PM	02PM18A1,C1	PHY5.03	Giáo dục thể chất	54222510046	Phạm Nguyễn Hoàng	Thiên	08/07/2008
22	18	PM	02PM18A1,C1	PHY5.03	Giáo dục thể chất	54222510034	Phạm Thanh	Tùng	30/01/2008
23	18	PM	02PM18A1,C1	PHY5.03	Giáo dục thể chất	54222510107	Trần Quang	Vinh	29/10/2009
24	18	DN	02DN18A1,C1	PHY5.03	Giáo dục thể chất	54222510047	Nguyễn Liên	Anh	23/07/2005
25	18	DN	02DN18A1,C1	PHY5.03	Giáo dục thể chất	54222510110	Nguyễn Anh	Đạt	12/05/2009
26	18	DN	02DN18A1,C1	PHY5.03	Giáo dục thể chất	54222520024	Nguyễn Bá	Duy	08/10/2002
27	18	DN	02DN18A1,C1	PHY5.03	Giáo dục thể chất	54222510082	Vũ Thị Bảo	Hân	23/01/2010
28	18	DN	02DN18A1,C1	PHY5.03	Giáo dục thể chất	54222510100	Trần Phương Thảo	Hiền	15/07/2006

STT	Khoá	Ngành	Lớp	Mã môn học	Tên môn học	Mã số học sinh	Họ và	tên	Ngày sinh
29	18	DN	02DN18A1,C1	PHY5.03	Giáo dục thể chất	54222510020	Trần Nguyễn Anh	Khoa	09/08/2006
30	18	DN	02DN18A1,C1	PHY5.03	Giáo dục thể chất	54222510037	Thái Mỹ	Kim	25/02/2010
31	18	DN	02DN18A1,C1	PHY5.03	Giáo dục thể chất	54222510003	Đỗ Thị Tuyết	Lan	09/03/2000
32	18	DN	02DN18A1,C1	PHY5.03	Giáo dục thể chất	54222520058	Đặng Hoài Phi	Long	15/06/2007
33	18	DN	02DN18A1,C1	PHY5.03	Giáo dục thể chất	54222510058	Đinh Nhật	Minh	15/03/2010
34	18	DN	02DN18A1,C1	PHY5.03	Giáo dục thể chất	54222510016	Trịnh Ngọc	Ngân	24/04/2003
35	18	DN	02DN18A1,C1	PHY5.03	Giáo dục thể chất	54222510066	Huỳnh Kim	Ngân	30/04/2010
36	18	DN	02DN18A1,C1	PHY5.03	Giáo dục thể chất	54222510109	Hồ Tâm	Như	15/02/2002
37	18	DN	02DN18A1,C1	PHY5.03	Giáo dục thể chất	54222510071	Hà Dương Hoàng	Phúc	14/01/2005
38	18	DN	02DN18A1,C1	PHY5.03	Giáo dục thể chất	54222510096	Nguyễn Hồ Duy	Phúc	01/01/2006
39	18	DN	02DN18A1,C1	PHY5.03	Giáo dục thể chất	54222510081	Đoàn Nguyễn Duy	Quân	14/12/2006
40	18	DN	02DN18A1,C1	PHY5.03	Giáo dục thể chất	54222520057	Phùng Nguyễn Minh	Quân	22/01/2005
41	18	DN	02DN18A1,C1	PHY5.03	Giáo dục thể chất	54222520009	Trần Khánh	Thi	12/08/2006
42	18	DN	02DN18A1,C1	PHY5.03	Giáo dục thể chất	54222510025	Lê Trịnh Anh	Thư	08/11/2004
43	18	DN	02DN18A1,C1	PHY5.03	Giáo dục thể chất	54222510085	Lê Nguyễn Mỹ	Tiên	17/12/2010
44	18	DN	02DN18A1,C1	PHY5.03	Giáo dục thể chất	54222510024	Hồ Thanh Thủy	Trúc	11/08/2010

Lưu ý:

- *Học sinh xem mã Lớp, mã môn học trên Thời khóa biểu để tham gia học đúng ngày, giờ*
- *Học sinh đã được tổ chức học nhưng không tham gia học/ có tham gia học nhưng không đủ điều kiện dự thi kết thúc môn/ đủ điều kiện dự thi kết thúc môn 2 lần nhưng "không đạt" - Liên hệ trực tiếp Phòng Đào tạo đăng ký và đóng phí học trả nợ môn.*

DANH SÁCH LỚP HỌC MÔN GIÁO DỤC QUỐC PHÒNG - AN NINH
HỌC KỲ I - NĂM HỌC: 2025-2026

STT	Khoá	Ngành	Lớp	Mã môn học	Tên môn học	Mã số học sinh	Họ và	tên	Ngày sinh
1	18	DS	01DS18A1,C1	MIL5.01	Giáo dục quốc phòng - An ninh	54212520011	Đỗ Ngọc	Duyên	17/12/2007
2	18	DS	01DS18A1,C1	MIL5.01	Giáo dục quốc phòng - An ninh	54212510060	Phạm Lê Khánh	Hân	21/02/2007
3	18	DS	01DS18A1,C1	MIL5.01	Giáo dục quốc phòng - An ninh	54212510036	Nguyễn Bảo	Khang	21/03/2010
4	18	DS	01DS18A1,C1	MIL5.01	Giáo dục quốc phòng - An ninh	54212520018	Trần Hoàng Trúc	My	18/07/2003
5	18	DS	01DS18A1,C1	MIL5.01	Giáo dục quốc phòng - An ninh	54212520017	Huỳnh Lê Mỹ	Nguyên	15/10/2007
6	18	DS	01DS18A1,C1	MIL5.01	Giáo dục quốc phòng - An ninh	54212510037	Phạm Gia	Phú	26/02/2010
7	18	DS	01DS18A1,C1	MIL5.01	Giáo dục quốc phòng - An ninh	54212510043	Bùi Huỳnh Tú	Quyên	27/09/2010
8	18	DS	01DS18A1,C1	MIL5.01	Giáo dục quốc phòng - An ninh	54212510046	Hồ Chí	Thanh	11/08/2009
9	18	DS	01DS18A1,C1	MIL5.01	Giáo dục quốc phòng - An ninh	54212510034	Lê Quốc	Thịnh	10/05/2010
10	18	DS	01DS18A1,C1	MIL5.01	Giáo dục quốc phòng - An ninh	54212510013	Lưu Hoàng	Yến	09/12/2010
11	18	PM	01PM18A1,C1	MIL5.01	Giáo dục quốc phòng - An ninh	54212510071	Nguyễn Thị Loan	Anh	02/04/2010
12	18	PM	01PM18A1,C1	MIL5.01	Giáo dục quốc phòng - An ninh	54212520016	Trần Duy	Anh	11/03/2005
13	18	PM	01PM18A1,C1	MIL5.01	Giáo dục quốc phòng - An ninh	54212510064	Hoàng Quốc	Đại	16/09/2010
14	18	PM	01PM18A1,C1	MIL5.01	Giáo dục quốc phòng - An ninh	54212510031	Nguyễn Huỳnh	Kaka	28/03/2010
15	18	PM	01PM18A1,C1	MIL5.01	Giáo dục quốc phòng - An ninh	54212510040	Trần Phúc	Khang	09/11/2010
16	18	PM	01PM18A1,C1	MIL5.01	Giáo dục quốc phòng - An ninh	54212520012	Nguyễn Đăng	Khoa	22/07/2006
17	18	PM	01PM18A1,C1	MIL5.01	Giáo dục quốc phòng - An ninh	54212510053	Phạm Tấn	Lộc	10/10/2010
18	18	PM	01PM18A1,C1	MIL5.01	Giáo dục quốc phòng - An ninh	54212510052	Phạm Nhật	Minh	04/07/2010
19	18	PM	01PM18A1,C1	MIL5.01	Giáo dục quốc phòng - An ninh	54212510023	Nguyễn Ngọc Trà	My	15/08/2010
20	18	PM	01PM18A1,C1	MIL5.01	Giáo dục quốc phòng - An ninh	54212510021	Lê Trọng	Nghĩa	15/06/2010
21	18	PM	01PM18A1,C1	MIL5.01	Giáo dục quốc phòng - An ninh	54212510065	Nguyễn	Phi	09/11/2009
22	18	PM	01PM18A1,C1	MIL5.01	Giáo dục quốc phòng - An ninh	54212510058	Thạch Hoàng	Phong	18/09/2010
23	18	PM	01PM18A1,C1	MIL5.01	Giáo dục quốc phòng - An ninh	54212510049	Đặng Hoàng	Phúc	27/02/2010
24	18	PM	01PM18A1,C1	MIL5.01	Giáo dục quốc phòng - An ninh	54212510012	Thân Văn	Quang	27/10/2010
25	18	PM	01PM18A1,C1	MIL5.01	Giáo dục quốc phòng - An ninh	54212510073	Bùi Nguyễn Minh	Quang	07/07/2010
26	18	PM	01PM18A1,C1	MIL5.01	Giáo dục quốc phòng - An ninh	54212510014	Nguyễn Thái	Sang	10/07/2010
27	18	PM	01PM18A1,C1	MIL5.01	Giáo dục quốc phòng - An ninh	54212510059	Phạm Nguyễn Khai	Tâm	14/01/2010
28	18	PM	01PM18A1,C1	MIL5.01	Giáo dục quốc phòng - An ninh	54212510038	Nguyễn Tấn	Thuận	08/12/2009
29	18	PM	01PM18A1,C1	MIL5.01	Giáo dục quốc phòng - An ninh	54212510050	Nguyễn Thái Hồng	Vân	30/01/2010
30	18	YS	01YS18A1,C1	MIL5.01	Giáo dục quốc phòng - An ninh	54212520014	Trần Quỳnh	Như	23/09/2007
31	18	YS	01YS18A1,C1	MIL5.01	Giáo dục quốc phòng - An ninh	54212510030	Phan Ngọc Nhã	Quỳnh	10/09/2010

STT	Khoá	Ngành	Lớp	Mã môn học	Tên môn học	Mã số học sinh	Họ và	tên	Ngày sinh
32	18	YS	01YS18A1,C1	MIL5.01	Giáo dục quốc phòng - An ninh	54212510063	Võ Quang	Thạch	28/06/2010
33	18	YS	01YS18A1,C1	MIL5.01	Giáo dục quốc phòng - An ninh	54212520010	Đoàn Minh	Trọng	04/02/2005
34	18	YS	01YS18A1,C1	MIL5.01	Giáo dục quốc phòng - An ninh	54212510008	Nguyễn Như	Ý	11/12/2010
35	17	KT	02KT17E1	MIL5.01	Giáo dục quốc phòng - An ninh	54232420037	Nguyễn Thị Khánh	Đoan	13/10/2002
36	17	KT	02KT17E1	MIL5.01	Giáo dục quốc phòng - An ninh	54232420030	Trần Bửu	Quyến	03/05/1988
37	17	KT	02KT17E1	MIL5.01	Giáo dục quốc phòng - An ninh	54222420098	Nguyễn Thị Thùy	Tiên	30/05/2005
38	17	DS	01DS17C1	MIL5.01	Giáo dục quốc phòng - An ninh	54212410154	Huỳnh Thị Bích	Nhi	10/10/1999
39	17	DD	02DD17B1	MIL5.01	Giáo dục quốc phòng - An ninh	54222420099	Phùng Trúc	Vy	09/08/1994
40	17	DN	02DN17E1	MIL5.01	Giáo dục quốc phòng - An ninh	54222410209	Nguyễn Huy	Hoàng	08/12/1995
41	17	DN	02DN17E1	MIL5.01	Giáo dục quốc phòng - An ninh	54232420038	Đinh Thanh	Tùng	25/08/1998
42	17	YS	01YS17A1	MIL5.01	Giáo dục quốc phòng - An ninh	54212420037	Bùi Gia	Kiên	02/02/1980
43	17	YS	02YS17C1	MIL5.01	Giáo dục quốc phòng - An ninh	54222410177	Phạm Kim	Ngân	10/08/2007

Lưu ý:

- *Học sinh xem mã Lớp, mã môn học trên Thời khóa biểu để tham gia học đúng ngày, giờ*
- *Học sinh đã được tổ chức học nhưng không tham gia học/ có tham gia học nhưng không đủ điều kiện dự thi kết thúc môn/ đủ điều kiện dự thi kết thúc môn 2 lần nhưng "không đạt" - Liên hệ trực tiếp Phòng Đào tạo đăng ký và đóng phí học trả nợ môn.*

DANH SÁCH LỚP HỌC MÔN CHÍNH TRỊ
HỌC KỲ I - NĂM HỌC: 2025-2026

STT	Khoá	Ngành	Lớp	Mã môn học	Tên môn học	Mã số học sinh	Họ và	tên	Ngày sinh
1	18	DD	01DD18A1,C1	POL5.01	Chính trị	54212510062	Cao Lê Thảo	An	03/05/2010
2	18	DD	01DD18A1,C1	POL5.01	Chính trị	54212510007	Nguyễn Thị Ngọc	Châu	10/02/2010
3	18	DD	01DD18A1,C1	POL5.01	Chính trị	54212510045	Nguyễn Ngọc Bảo	Châu	12/10/2010
4	18	DD	01DD18A1,C1	POL5.01	Chính trị	54212510061	Đỗ Đình	Huy	14/06/2010
5	18	DD	01DD18A1,C1	POL5.01	Chính trị	54212510011	Ngô Thị Thanh	Huyền	29/03/2010
6	18	DD	01DD18A1,C1	POL5.01	Chính trị	54212510029	Nguyễn Võ Thư	Kỳ	29/06/2010
7	18	DD	01DD18A1,C1	POL5.01	Chính trị	54212510069	Nguyễn Lâm Gia	Mỹ	29/07/2010
8	18	DD	01DD18A1,C1	POL5.01	Chính trị	54212510054	Nguyễn Khánh	Ngân	10/03/2010
9	18	DD	01DD18A1,C1	POL5.01	Chính trị	54212510066	Nguyễn Thành	Nghĩa	20/02/2010
10	18	DD	01DD18A1,C1	POL5.01	Chính trị	54212510025	Phan Hoàng Khánh	Ngọc	11/12/2010
11	18	DD	01DD18A1,C1	POL5.01	Chính trị	54212510027	Lê Trần Phạm	Nguyễn	13/06/2010
12	18	DD	01DD18A1,C1	POL5.01	Chính trị	54212510033	Nguyễn Ngọc Ánh	Nguyệt	28/01/2010
13	18	DD	01DD18A1,C1	POL5.01	Chính trị	54212510022	Võ Kiều	Oanh	24/11/2010
14	18	DD	01DD18A1,C1	POL5.01	Chính trị	54212510047	Huỳnh Duy	Phú	19/11/2010
15	18	DD	01DD18A1,C1	POL5.01	Chính trị	54212510024	Nguyễn Minh	Phương	02/09/2010
16	18	DD	01DD18A1,C1	POL5.01	Chính trị	54212520019	Lê Thị Thu	Sương	29/07/1997
17	18	DD	01DD18A1,C1	POL5.01	Chính trị	54212520015	Trần Thị Thanh	Thảo	04/08/2007
18	18	DD	01DD18A1,C1	POL5.01	Chính trị	54212510028	Huỳnh Quốc	Thịnh	26/06/2010
19	18	DD	01DD18A1,C1	POL5.01	Chính trị	54212510070	Cao Hoàng Minh	Thơ	03/12/2010
20	18	DD	01DD18A1,C1	POL5.01	Chính trị	54212510026	Luân Nhã	Thư	04/12/2010
21	18	DD	01DD18A1,C1	POL5.01	Chính trị	54212510057	Nguyễn Đăng Thủy	Tiên	03/10/2010
22	18	DD	01DD18A1,C1	POL5.01	Chính trị	54212510019	Trịnh Ngọc	Trâm	08/03/2010
23	18	DD	01DD18A1,C1	POL5.01	Chính trị	54212510048	Nguyễn Thùy	Trang	11/11/2008
24	18	DD	01DD18A1,C1	POL5.01	Chính trị	54212510051	Lê Thị Huyền	Trang	09/09/2010
25	18	DD	01DD18A1,C1	POL5.01	Chính trị	54212510067	Lê Minh	Trí	30/10/2009
26	18	DD	01DD18A1,C1	POL5.01	Chính trị	54212510017	Trần Nguyễn Duy	Uyên	31/10/2010
27	18	DD	01DD18A1,C1	POL5.01	Chính trị	54212510018	Trần Nguyễn Phương	Uyên	31/10/2010
28	18	DD	01DD18A1,C1	POL5.01	Chính trị	54212510068	Lâm Trí	Vĩnh	17/02/2010

STT	Khoá	Ngành	Lớp	Mã môn học	Tên môn học	Mã số học sinh	Họ và	tên	Ngày sinh
29	18	DD	01DD18A1,C1	POL5.01	Chính trị	54212510039	Nguyễn Võ Nhật	Vy	08/08/2010
30	18	DD	01DD18A1,C1	POL5.01	Chính trị	54212510042	Lê Thị Tường	Vy	14/01/2010
31	18	DD	01DD18A1,C1	POL5.01	Chính trị	54212510020	Đồng Thị Như	Ý	09/07/2000
32	18	YS	01YS18A1,C1	POL5.01	Chính trị	54212520014	Trần Quỳnh	Như	23/09/2007
33	18	YS	01YS18A1,C1	POL5.01	Chính trị	54212510030	Phan Ngọc Nhã	Quỳnh	10/09/2010
34	18	YS	01YS18A1,C1	POL5.01	Chính trị	54212510063	Võ Quang	Thạch	28/06/2010
35	18	YS	01YS18A1,C1	POL5.01	Chính trị	54212520010	Đoàn Minh	Trọng	04/02/2005
36	18	YS	01YS18A1,C1	POL5.01	Chính trị	54212510008	Nguyễn Như	Ý	11/12/2010
37	17	YS	01YS17A1	POL5.01	Chính trị	54212420037	Bùi Gia	Kiên	02/02/1980
STT	Khoá	Ngành	Lớp	Mã môn học	Tên môn học	Mã số học sinh	Họ và	tên	Ngày sinh
1	18	PM	01PM18A1,C1	POL5.02	Chính trị	54212510071	Nguyễn Thị Loan	Anh	02/04/2010
2	18	PM	01PM18A1,C1	POL5.02	Chính trị	54212520016	Trần Duy	Anh	11/03/2005
3	18	PM	01PM18A1,C1	POL5.02	Chính trị	54212510064	Hoàng Quốc	Đại	16/09/2010
4	18	PM	01PM18A1,C1	POL5.02	Chính trị	54212510006	Nguyễn Anh	Hào	15/08/1990
5	18	PM	01PM18A1,C1	POL5.02	Chính trị	54212510031	Nguyễn Huỳnh	Kaka	28/03/2010
6	18	PM	01PM18A1,C1	POL5.02	Chính trị	54212510040	Trần Phúc	Khang	09/11/2010
7	18	PM	01PM18A1,C1	POL5.02	Chính trị	54212520012	Nguyễn Đăng	Khoa	22/07/2006
8	18	PM	01PM18A1,C1	POL5.02	Chính trị	54212510053	Phạm Tấn	Lộc	10/10/2010
9	18	PM	01PM18A1,C1	POL5.02	Chính trị	54212510052	Phạm Nhật	Minh	04/07/2010
10	18	PM	01PM18A1,C1	POL5.02	Chính trị	54212510023	Nguyễn Ngọc Trà	My	15/08/2010
11	18	PM	01PM18A1,C1	POL5.02	Chính trị	54212510021	Lê Trọng	Nghĩa	15/06/2010
12	18	PM	01PM18A1,C1	POL5.02	Chính trị	54212510065	Nguyễn	Phi	09/11/2009
13	18	PM	01PM18A1,C1	POL5.02	Chính trị	54212510058	Thạch Hoàng	Phong	18/09/2010
14	18	PM	01PM18A1,C1	POL5.02	Chính trị	54212510049	Đặng Hoàng	Phúc	27/02/2010
15	18	PM	01PM18A1,C1	POL5.02	Chính trị	54212510012	Thân Văn	Quang	27/10/2010
16	18	PM	01PM18A1,C1	POL5.02	Chính trị	54212510073	Bùi Nguyễn Minh	Quang	07/07/2010
17	18	PM	01PM18A1,C1	POL5.02	Chính trị	54212510014	Nguyễn Thái	Sang	10/07/2010
18	18	PM	01PM18A1,C1	POL5.02	Chính trị	54212510059	Phạm Nguyễn Khai	Tâm	14/01/2010
19	18	PM	01PM18A1,C1	POL5.02	Chính trị	54212510038	Nguyễn Tấn	Thuận	08/12/2009
20	18	PM	01PM18A1,C1	POL5.02	Chính trị	54212510050	Nguyễn Thái Hồng	Vân	30/01/2010

STT	Khoá	Ngành	Lớp	Mã môn học	Tên môn học	Mã số học sinh	Họ và	tên	Ngày sinh
21	18	DS	01DS18A1,C1	POL5.02	Chính trị	54212520011	Đỗ Ngọc	Duyên	17/12/2007
22	18	DS	01DS18A1,C1	POL5.02	Chính trị	54212510060	Phạm Lê Khánh	Hân	21/02/2007
23	18	DS	01DS18A1,C1	POL5.02	Chính trị	54212520008	Võ Thị Thanh	Hiền	14/02/1996
24	18	DS	01DS18A1,C1	POL5.02	Chính trị	54212510036	Nguyễn Bảo	Khang	21/03/2010
25	18	DS	01DS18A1,C1	POL5.02	Chính trị	54212520018	Trần Hoàng Trúc	My	18/07/2003
26	18	DS	01DS18A1,C1	POL5.02	Chính trị	54212520017	Huỳnh Lê Mỹ	Nguyên	15/10/2007
27	18	DS	01DS18A1,C1	POL5.02	Chính trị	54212510037	Phạm Gia	Phú	26/02/2010
28	18	DS	01DS18A1,C1	POL5.02	Chính trị	54212510043	Bùi Huỳnh Tú	Quyên	27/09/2010
29	18	DS	01DS18A1,C1	POL5.02	Chính trị	54212510046	Hồ Chí	Thanh	11/08/2009
30	18	DS	01DS18A1,C1	POL5.02	Chính trị	54212510034	Lê Quốc	Thịnh	10/05/2010
31	18	DS	01DS18A1,C1	POL5.02	Chính trị	54212510005	Quách Thị	Thùy	03/04/1984
32	18	DS	01DS18A1,C1	POL5.02	Chính trị	54212520013	Trương Ngọc Thảo	Vy	11/10/2003
33	18	DS	01DS18A1,C1	POL5.02	Chính trị	54212510013	Lưu Hoàng	Yến	09/12/2010
34	17	DS	01DS17C1	POL5.02	Chính trị	54212410154	Huỳnh Thị Bích	Nhi	10/10/1999
35	17	DS	01DS17C1	POL5.02	Chính trị	54212410152	Nguyễn Thị Bích	Tiền	20/11/2007
STT	Khoá	Ngành	Lớp	Mã môn học	Tên môn học	Mã số học sinh	Họ và	tên	Ngày sinh
1	18	YS	02YS18A1,C1	POL5.03	Chính trị	54222510122	Hoàng Đại	Điền	26/06/2009
2	18	YS	02YS18A1,C1	POL5.03	Chính trị	54222520049	Trần Đức	Duy	18/12/2006
3	18	YS	02YS18A1,C1	POL5.03	Chính trị	54222510119	Nguyễn Nhựt	Hào	07/05/2007
4	18	YS	02YS18A1,C1	POL5.03	Chính trị	54222510112	Đào Minh	Lâm	27/10/2006
5	18	YS	02YS18A1,C1	POL5.03	Chính trị	54222520048	Trần Dương Phương	Mai	02/09/2001
6	18	YS	02YS18A1,C1	POL5.03	Chính trị	54222510070	Trần Quang	Minh	29/06/2000
7	18	YS	02YS18A1,C1	POL5.03	Chính trị	54222520053	Lê Quang	Minh	10/11/2007
8	18	YS	02YS18A1,C1	POL5.03	Chính trị	54222510036	Đinh Thị Tuyết	Nhi	09/05/1999
9	18	YS	02YS18A1,C1	POL5.03	Chính trị	54222520056	Đoàn Ngọc Phương	Nhi	23/07/2007
10	18	YS	02YS18A1,C1	POL5.03	Chính trị	54222510089	Lâm Linh	Phương	21/10/2009
11	18	YS	02YS18A1,C1	POL5.03	Chính trị	54222520041	Lê Hoàng Chinh	Su	14/09/2007
12	18	YS	02YS18A1,C1	POL5.03	Chính trị	54222510091	Lê Trường	Thịnh	25/07/2010
13	18	YS	02YS18A1,C1	POL5.03	Chính trị	54222510106	Dư Thuỳ Bảo	Trang	10/04/1995
14	18	YS	02YS18A1,C1	POL5.03	Chính trị	54222520061	Nguyễn Thị Linh	Trang	28/11/1991

STT	Khoá	Ngành	Lớp	Mã môn học	Tên môn học	Mã số học sinh	Họ và	tên	Ngày sinh
15	18	YS	02YS18A1,C1	POL5.03	Chính trị	54222510102	Trần Nguyễn Thu	Vân	04/05/2007
16	18	YS	02YS18A1,C1	POL5.03	Chính trị	54222510090	Võ Nguyễn Phương	Vy	30/03/2009
17	18	DD	02DD18A1,C1	POL5.03	Chính trị	54222520046	Lê Thị Ngọc	An	09/04/1998
18	18	DD	02DD18A1,C1	POL5.03	Chính trị	54222510053	Trần Huy	An	15/03/2009
19	18	DD	02DD18A1,C1	POL5.03	Chính trị	54222510080	Đỗ Gia	Hân	19/06/2010
20	18	DD	02DD18A1,C1	POL5.03	Chính trị	54222520047	Nguyễn Ngọc	Hân	06/06/2007
21	18	DD	02DD18A1,C1	POL5.03	Chính trị	54222520020	Nguyễn Thị	Hòa	10/05/1996
22	18	DD	02DD18A1,C1	POL5.03	Chính trị	54222510041	Nguyễn Võ Ngân	Khánh	17/02/2010
23	18	DD	02DD18A1,C1	POL5.03	Chính trị	54222510078	Nguyễn Khánh	Linh	14/04/2010
24	18	DD	02DD18A1,C1	POL5.03	Chính trị	54222510083	Dương Đại	Nam	09/08/2010
25	18	DD	02DD18A1,C1	POL5.03	Chính trị	54222520063	Trần Mai	Nghi	02/01/2001
26	18	DD	02DD18A1,C1	POL5.03	Chính trị	54222510076	Tòng Khánh	Ngọc	22/05/2008
27	18	DD	02DD18A1,C1	POL5.03	Chính trị	54222510118	Trần Thị Bích	Ngọc	01/04/2005
28	18	DD	02DD18A1,C1	POL5.03	Chính trị	54222510063	Phạm Ngọc Phương	Nhi	25/09/2010
29	18	DD	02DD18A1,C1	POL5.03	Chính trị	54222520055	Nguyễn Thị Ngọc	Nhi	05/09/2003
30	18	DD	02DD18A1,C1	POL5.03	Chính trị	54222510045	Trần Uyển	Như	30/09/2010
31	18	DD	02DD18A1,C1	POL5.03	Chính trị	54222510117	Trần Thị Huỳnh	Như	13/04/2009
32	18	DD	02DD18A1,C1	POL5.03	Chính trị	54222510064	Đặng Thanh	Phương	19/01/2009
33	18	DD	02DD18A1,C1	POL5.03	Chính trị	54222520060	Đậu Thị Hoài	Phương	10/2/2005
34	18	DD	02DD18A1,C1	POL5.03	Chính trị	54222510120	Ngô Thị Hoàng	Quyên	22/05/1998
35	18	DD	02DD18A1,C1	POL5.03	Chính trị	54222510069	Cao Ngọc	Thái	10/12/2010
36	18	DD	02DD18A1,C1	POL5.03	Chính trị	54222510084	Trần Trọng	Thiên	26/08/2001
37	18	DD	02DD18A1,C1	POL5.03	Chính trị	54222510074	Nguyễn Thị Ngọc	Thơ	06/05/2009
38	18	DD	02DD18A1,C1	POL5.03	Chính trị	54222510056	Đặng Thanh	Tiến	27/12/2006
39	18	DD	02DD18A1,C1	POL5.03	Chính trị	54222510055	Lê Minh	Trí	13/02/2010
40	18	DD	02DD18A1,C1	POL5.03	Chính trị	54222510099	Phạm Đỗ Tiến	Trung	07/11/2009
41	18	DD	02DD18A1,C1	POL5.03	Chính trị	54222520059	Hồ Nguyễn Ngọc	Yến	14/03/2005
42	18	DS	02DS18A1,C1	POL5.03	Chính trị	54222510075	Lê Trí	Bảo	16/11/2010
43	18	DS	02DS18A1,C1	POL5.03	Chính trị	54222520051	Cao Hoàng	Bảo	04/08/2000
44	18	DS	02DS18A1,C1	POL5.03	Chính trị	54222520045	Hồ Nhật	Huy	28/02/2000

STT	Khoá	Ngành	Lớp	Mã môn học	Tên môn học	Mã số học sinh	Họ và	tên	Ngày sinh
45	18	DS	02DS18A1,C1	POL5.03	Chính trị	54222510113	Nguyễn Đăng	Khôi	9/23/2010
46	18	DS	02DS18A1,C1	POL5.03	Chính trị	54222510086	Nguyễn Hiểu	Lợi	09/10/2006
47	18	DS	02DS18A1,C1	POL5.03	Chính trị	54222510103	Trần Thanh	Ngân	15/03/2005
48	18	DS	02DS18A1,C1	POL5.03	Chính trị	54222510108	Trần Thị	Như	27/08/2010
49	18	DS	02DS18A1,C1	POL5.03	Chính trị	54222520064	Nguyễn Thành	Phúc	05/04/1990
50	18	DS	02DS18A1,C1	POL5.03	Chính trị	54222510004	Nguyễn Ngọc Diễm	Quỳnh	11/02/2009
51	18	DS	02DS18A1,C1	POL5.03	Chính trị	54222510116	Lê Thị	Trình	01/01/1994
52	18	DS	02DS18A1,C1	POL5.03	Chính trị	54222520062	Nguyễn Bùi Quốc	Tuấn	03/01/2000
53	17	YS	02YS17C1	POL5.03	Chính trị	54222410177	Phạm Kim	Ngân	10/08/2007
STT	Khoá	Ngành	Lớp	Mã môn học	Tên môn học	Mã số học sinh	Họ và	tên	Ngày sinh
1	18	PM	02PM18A1,C1	POL5.04	Chính trị	54222510093	Phan Tuấn	Anh	16/11/2010
2	18	PM	02PM18A1,C1	POL5.04	Chính trị	54222510065	Huỳnh Nguyễn Gia	Bảo	27/05/2010
3	18	PM	02PM18A1,C1	POL5.04	Chính trị	54222520052	Nguyễn Thanh	Dur	20/12/2007
4	18	PM	02PM18A1,C1	POL5.04	Chính trị	54222510087	Võ Thành	Được	18/10/2009
5	18	PM	02PM18A1,C1	POL5.04	Chính trị	54222520039	Nguyễn Duy	Hiển	24/09/2007
6	18	PM	02PM18A1,C1	POL5.04	Chính trị	54222510092	Nguyễn Sinh	Hùng	12/06/2010
7	18	PM	02PM18A1,C1	POL5.04	Chính trị	54222510035	Vũ Quốc	Huy	01/12/2010
8	18	PM	02PM18A1,C1	POL5.04	Chính trị	54222510067	Trần Triều	Khang	27/12/2010
9	18	PM	02PM18A1,C1	POL5.04	Chính trị	54222520034	Thái Đăng	Khoa	19/09/2007
10	18	PM	02PM18A1,C1	POL5.04	Chính trị	54222510052	Nguyễn Duy	Lộc	12/10/2010
11	18	PM	02PM18A1,C1	POL5.04	Chính trị	54222510049	Nguyễn Ngọc Thảo	Nhi	12/11/2004
12	18	PM	02PM18A1,C1	POL5.04	Chính trị	54222510059	Nghiêm Thành	Phát	29/07/2009
13	18	PM	02PM18A1,C1	POL5.04	Chính trị	54222510068	Nguyễn Trần Thế	Phong	10/07/2010
14	18	PM	02PM18A1,C1	POL5.04	Chính trị	54222510060	Phạm Lưu Đại	Phú	01/05/2006
15	18	PM	02PM18A1,C1	POL5.04	Chính trị	54222510050	Lê Nguyễn Quốc	Phương	01/11/2010
16	18	PM	02PM18A1,C1	POL5.04	Chính trị	54222510095	Hà Duy	Quang	09/01/2010
17	18	PM	02PM18A1,C1	POL5.04	Chính trị	54222510073	Vũ Huy	Rạng	03/12/2009
18	18	PM	02PM18A1,C1	POL5.04	Chính trị	54222510051	Trương Minh	Sơn	27/07/2000
19	18	PM	02PM18A1,C1	POL5.04	Chính trị	54222510054	Đào Nhật	Tân	15/08/2009
20	18	PM	02PM18A1,C1	POL5.04	Chính trị	54222510046	Phạm Nguyễn Hoàng	Thiên	08/07/2008

STT	Khoá	Ngành	Lớp	Mã môn học	Tên môn học	Mã số học sinh	Họ và	tên	Ngày sinh
21	18	PM	02PM18A1,C1	POL5.04	Chính trị	54222510034	Phạm Thanh	Tùng	30/01/2008
22	18	PM	02PM18A1,C1	POL5.04	Chính trị	54222510107	Trần Quang	Vinh	29/10/2009
23	18	DN	02DN18A1,C1	POL5.04	Chính trị	54222510047	Nguyễn Liên	Anh	23/07/2005
24	18	DN	02DN18A1,C1	POL5.04	Chính trị	54222510110	Nguyễn Anh	Đạt	12/05/2009
25	18	DN	02DN18A1,C1	POL5.04	Chính trị	54222520024	Nguyễn Bá	Duy	08/10/2002
26	18	DN	02DN18A1,C1	POL5.04	Chính trị	54222510082	Vũ Thị Bảo	Hân	23/01/2010
27	18	DN	02DN18A1,C1	POL5.04	Chính trị	54222510100	Trần Phương Thảo	Hiền	15/07/2006
28	18	DN	02DN18A1,C1	POL5.04	Chính trị	54222510037	Thái Mỹ	Kim	25/02/2010
29	18	DN	02DN18A1,C1	POL5.04	Chính trị	54222520058	Đặng Hoài Phi	Long	15/06/2007
30	18	DN	02DN18A1,C1	POL5.04	Chính trị	54222510058	Đình Nhật	Minh	15/03/2010
31	18	DN	02DN18A1,C1	POL5.04	Chính trị	54222510066	Huỳnh Kim	Ngân	30/04/2010
32	18	DN	02DN18A1,C1	POL5.04	Chính trị	54222510109	Hồ Tâm	Như	15/02/2002
33	18	DN	02DN18A1,C1	POL5.04	Chính trị	54222510071	Hà Dương Hoàng	Phúc	14/01/2005
34	18	DN	02DN18A1,C1	POL5.04	Chính trị	54222510096	Nguyễn Hồ Duy	Phúc	01/01/2006
35	18	DN	02DN18A1,C1	POL5.04	Chính trị	54222510081	Đoàn Nguyễn Duy	Quân	14/12/2006
36	18	DN	02DN18A1,C1	POL5.04	Chính trị	54222520057	Phùng Nguyễn Minh	Quân	22/01/2005
37	18	DN	02DN18A1,C1	POL5.04	Chính trị	54222520009	Trần Khánh	Thi	12/08/2006
38	18	DN	02DN18A1,C1	POL5.04	Chính trị	54222510085	Lê Nguyễn Mỹ	Tiên	17/12/2010
39	18	DN	02DN18A1,C1	POL5.04	Chính trị	54222510024	Hồ Thanh Thủy	Trúc	11/08/2010
STT	Khoá	Ngành	Lớp	Mã môn học	Tên môn học	Mã số học sinh	Họ và	tên	Ngày sinh
1	18	KT	02KT18E1	POL5.05	Chính trị	54232520030	Phan Đặng Minh	Anh	30/07/2007
2	18	KT	02KT18E1	POL5.05	Chính trị	54232520038	Trần Thị Ngọc	Diệu	14/02/1996
3	18	KT	02KT18E1	POL5.05	Chính trị	54232520015	Nguyễn Hoàng	Dương	10/03/1996
4	18	KT	02KT18E1	POL5.05	Chính trị	54232520040	Đỗ Lê Ánh	Dương	24/11/2007
5	18	KT	02KT18E1	POL5.05	Chính trị	54222520040	Nguyễn Thị	Hà	15/12/2007
6	18	KT	02KT18E1	POL5.05	Chính trị	54212510015	Phạm Ngọc Gia	Hân	18/06/2010
7	18	KT	02KT18E1	POL5.05	Chính trị	54232520006	Mohamed Irfan	Irfan	01/11/2003
8	18	KT	02KT18E1	POL5.05	Chính trị	54232520027	Nguyễn Tấn	Khang	06/06/2006
9	18	KT	02KT18E1	POL5.05	Chính trị	54232520013	Ngô Thụy Thụy	Ngân	15/01/2005
10	18	KT	02KT18E1	POL5.05	Chính trị	54232520020	Đình Huỳnh Mỹ	Ngọc	17/07/1998

STT	Khoá	Ngành	Lớp	Mã môn học	Tên môn học	Mã số học sinh	Họ và	tên	Ngày sinh
11	18	KT	02KT18E1	POL5.05	Chính trị	54232520032	Trần Nguyễn Hồng	Ngọc	10/11/1974
12	18	KT	02KT18E1	POL5.05	Chính trị	54232520014	Lâm Thị Thảo	Nguyên	11/05/2002
13	18	KT	02KT18E1	POL5.05	Chính trị	54232520029	Trần Vũ Công	Nguyên	14/10/2003
14	18	KT	02KT18E1	POL5.05	Chính trị	54232520035	Phan Lâm Hùng	Phụng	26/04/2005
15	18	KT	02KT18E1	POL5.05	Chính trị	54232520036	Đặng Thị Phương	Thanh	02/07/2006
16	18	KT	02KT18E1	POL5.05	Chính trị	54232520046	Võ Thị Hương	Thảo	20/07/1991
17	18	KT	02KT18E1	POL5.05	Chính trị	54232520034	Lê Võ Anh	Thư	05/03/2003
18	18	KT	02KT18E1	POL5.05	Chính trị	54232520044	Nguyễn Thị Hồng	Thủy	25/06/1998
19	18	KT	02KT18E1	POL5.05	Chính trị	54232520043	Đào Thủy	Tiên	27/02/2001
20	18	KT	02KT18E1	POL5.05	Chính trị	54232520052	Lê Văn	Tiến	10/10/2004
21	18	KT	02KT18E1	POL5.05	Chính trị	54232520017	Lê Thị Kiêm	Tiên	15/09/2001
22	18	KT	02KT18E1	POL5.05	Chính trị	54212510041	Nguyễn Thị Thảo	Trâm	05/10/2010
23	18	KT	02KT18E1	POL5.05	Chính trị	54232520049	Kiều Thị Yến	Trang	04/03/1992
24	18	KT	02KT18E1	POL5.05	Chính trị	54232520021	Lê Đình Khánh	Uyên	03/09/1994
25	18	KT	02KT18E1	POL5.05	Chính trị	54232520045	Võ Thanh Trà	Vy	28/02/2007
26	18	KT	02KT18E1	POL5.05	Chính trị	54232520056	Trần	Tuyển	20/05/1988
27	17	KT	02KT17E1	POL5.05	Chính trị	54232420037	Nguyễn Thị Khánh	Đoan	13/10/2002
28	17	KT	02KT17E1	POL5.05	Chính trị	54222420098	Nguyễn Thị Thùy	Tiên	30/05/2005
29	17	DD	02DD17B1	POL5.05	Chính trị	54222420099	Phùng Trúc	Vy	09/08/1994
30	17	DN	02DN17E1	POL5.05	Chính trị	54232420038	Đinh Thanh	Tùng	25/08/1998

Lưu ý:

- **Học sinh xem mã Lớp, mã môn học trên Thời khóa biểu để tham gia học đúng ngày, giờ**
- **Học sinh đã được tổ chức học nhưng không tham gia học/ có tham gia học nhưng không đủ điều kiện dự thi kết thúc môn/ đủ điều kiện dự thi kết thúc môn 2 lần nhưng "không đạt" - Liên hệ trực tiếp Phòng Đào tạo đăng ký và đóng phí học trả nợ môn.**